

# HOA NGHIÊM KINH NỘI CHƯƠNG MÔN ĐĂNG TẠP KHỔNG MỤC

## QUYỂN 3

### GIẢI THÍCH CÁC TẠP MỤC TRONG KINH HOA NGHIÊM

#### MỤC LỤC

##### HỘI THỨ SÁU:

- Thập địa phẩm trước nói về mười địa.
- Trong bốn phần nói về sáu quyết định.
- Trong phần thêm, trong ý thêm, nói về bốn pháp, sáu chánh kiến, trong thỉnh phần nói về chuyển y.
- Nói về hai chương lớn thỉnh phần và chưa chứng giáo.
- Trong phần đầu phân biệt nghĩa các tông.
- Trong phần đầu An Trụ Địa, nói về năm sợ hãi.
- Trong phần đầu Giáo lượng thắng, nói về mười nguyện, ba thứ Bồ-đề.
- Trong Hành Giáo Lượng Từ Bi nói về duyên khởi.
- Trong quả phần ấy nói về bốn quả như Điều nhu v.v....
- Địa thứ hai, trước nói ba nhóm giới, mười ác nghiệp, bảy thứ tà kiến, mười nghiệp đạo thiện.
- Trong Giới Nhiếp Chúng Sanh nói về bốn đảo.
- Địa thứ ba, trong Yếm phần nói về bốn tịnh lự về tám thiền, ba khổ, tám khổ, bốn vô lượng, sáu thành tựu.
- Địa thứ tư nói về ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp.
- Địa thứ năm nói về bảy tịnh, mười đế.
- Địa thứ sáu nói về duyên sinh, ba Không môn (ba tam-muội), Tam-muội Trùng không, Nhân không pháp không.
- Địa thứ bảy nói về nghĩa bốn nhà.
- Địa thứ tám nói về bốn thứ Vô Sinh nhẫn, ba thế gian, mười tự

tại, Mười bố úy (sợ hãi).

- Địa thứ chín nói về mười nghĩa trừ lâm, tám muôn bốn ngàn pháp môn phiền não hành sử hành trừ lâm, căn hành trừ lâm, Sinh hành trừ lâm, Tập khí trừ lâm, Ba trụ hạnh trừ lâm thành tựu, hai mươi loại Pháp sư, bốn mươi biện tài Vô ngại.

- Địa thứ mười nói về Thọ chức, nghĩa ao A-nậu-đạt.

\*\*\*\*\*

### **TRƯỚC NÓI MƯỜI ĐỊA CỦA PHẨM THẬP ĐỊA:**

- Mười địa là: 1/ Địa hoan hỷ; 2/ Địa Ly cấu; 3/ Địa Minh diệm; 3/ Địa Thiêu nhiên; 5/ Địa Nan Thắng; 6/ Địa Hiện tiền; 7/ Địa Viển hành; 8/ Địa Bất động; 9/ Địa Thiện tuệ; 10/ Địa Pháp vân. Sinh thành Phật trí trụ trì nên gọi là Địa. Địa tức là vị. Nay mười địa này nhiếp Phật nhân vị Nhất thừa, Ba thừa Thanh văn và trời người v.v... đều ở trong ấy. Vì người năm thừa xem là chứng vị Phổ Hiền, quả Phật nhiếp dụng vô ngại tự tại tất cả đều hết. Vì sao? Vì pháp Mười địa là môn đầu tiên nhiếp chúng sanh, pháp địa sâu xa rất khó hiểu biết. Nay lược y cứ năm thừa mà phân biệt rõ ràng. Nói năm thừa thì trời, người, v.v... là một, gọi là Nhân thiên thừa. Thanh văn, Duyên giác y cứ theo chúng làm một gọi là Tiểu thừa. Người tu Tiệm giáo làm một, tức là Tiệm ngộ thừa. Người tu Đốn giáo làm một, tức là Đốn ngộ thừa. Người làm Nhất thừa làm một, tức là thừa rốt ráo.

1- Về Nhân thiên thừa có ba thứ thành Phật: Một là Phật vì cứu ba đường ác nên hiện thân khác kia, ngoài ba đường ác liền thành thân Phật, như Phật hiện voi chân đen, v.v...; Hai là dẫn dắt cõi người mà hiện thân Phật, như Phật vì ĐỀ-vị mà hiện thân thần cây; Ba là vì dẫn dắt trời, người mà hiện thân Thánh, trời người biết Phật là Thánh mà cùng cúng dường, thành phước thế gian.

2- Ở Nhị thừa, có bảy nghĩa:

Một là y cứ theo địa, nghĩa là trong ba cõi ngoài chín địa, mười địa, mười một địa thì tức thành Phật.

Hai là y cứ vị thì đã ngoài kiến tu tức là thành Phật.

Ba là y cứ hạnh lìa ngoài học mà ở Vô học tức hiện thành Phật ấy.

Bốn là y cứ hạnh Bồ-tát, ngoài ba mươi ba tâm tức là thành Phật.

Năm là y cứ vào thời, Tiểu thừa sáu mươi kiếp thành ngoài ba tăng-kỳ tức là thành Phật.

Sáu là y cứ sinh tử, sau cùng trên thân phần đoạn tức là thành Phật.

Bảy là y Tiểu thừa mười hai trụ, trụ thứ mười hai A-la-hán cao nhất tức đồng là Phật.

3- Y cứ theo Hội tâm giáo môn, có tám nghĩa: Một là y cứ theo địa vị, nghĩa là mười địa như Càn Tuệ địa, v.v... Trong địa thứ mười tức thành Phật. Sở dĩ đồng mười địa thành Phật, là Phật, dưới đồng nhân vị nên nói như thế; Hai là y cứ ba cõi chín địa, ngoài địa Mười một thì tức thành Phật; Ba là y cứ theo vị, đã ngoài kiến tu thì tức thành Phật; Bốn là ước hạnh, đã ngoài vị học đồng vị với Vô học A-la-hán tức là thành Phật; Năm là y cứ theo thời y theo Đại thừa ngoài ba Tăng-kỳ thì tức thành Phật; Sáu là y cứ hạnh Bồ-tát, ngoài ba mươi ba tâm tức là thành Phật; Bảy là y cứ theo vô phân biệt, không lý một niệm tức là thành Phật; Tám là y cứ sinh tử, trên thân phần đoạn cuối cùng tức là thành Phật.

Lại y cứ Sơ giáo Trục tiến vị, thì có bảy môn: Một y cứ vị, tức từ Thập Tín, vị, v.v... cho đến từ Hoan Hỷ Địa, v.v... đầy đủ ngoài Mười địa thì tức thành Phật ấy. Đây do cảnh giới có thân phần đoạn chẳng đồng với thân phần đoạn của Bồ-tát; Hai là y cứ vị từ Hoan hỷ địa đến hết địa thứ chín. Ở mười địa tức là Bất Thối là thành Phật: Đây cũng là đối với Thanh văn hạ vị ở trong hạ thân mà thành Phật, cho nên nói thế; Ba là y cứ lý tức là chân như vô phân biệt không một niệm liền thành Phật; Bốn là y cứ mười địa sau một niệm chứng quả tức là thành Phật; Năm là y cứ thời, Đại thừa sau ba tăng-kỳ tức là thành Phật; Sáu là y cứ hạnh: Rốt ráo vô học tức là thành Phật; Bảy là y cứ mười hai trụ của Đại thừa, ở sau trụ Bồ-tát thứ mười hai cao nhất tức là thành Phật.

- Lại y cứ Chung giáo của Đại thừa, có mười môn: Một là y cứ theo vị. Từ mười Tín hạnh cho đến mười địa sau cùng như Hoan hỷ, v.v... tức là thành Phật; Hai là từ Hoan hỷ Sơ địa cho đến hết địa thứ chín. Ở địa thứ mười tức là thành Phật. Như kinh Phạm Võng nói đó là đối Thanh văn hiện thân phạm độ được quả chứng cho nên nói như thế. Đây phải là ngôi thành biến hóa không phải thành thật; Ba là y cứ theo vị từ Sơ địa hoan hỷ đến địa thứ ba là Pháp tướng thế gian đồng ba cõi. Địa thứ tư trở đi đến địa thứ bảy, tương đồng vô lậu, ở trong thân thế gian mà được đức Ba thừa vô lậu ấy, gọi là xuất thế. Địa thứ tám trở đi đến địa thứ mười gọi là xuất xuất thế, tức được thành Phật. Địa thứ tám thành tựu pháp thân, địa thứ chín thành ứng thân, địa thứ mười thành hóa thân. Đây là tướng riêng trong mười địa nên nói như thế; Bốn là một

niệm thành Phật, là y cứ theo Vô phân biệt chân như cho nên nói như thế; Năm là y cứ chứng để nói một niệm thành Phật. Trong Sơ địa một niệm mà chứng; Sáu là ở sau Mười địa một niệm chứng quả nên gọi là một niệm thành Phật trên các niệm, đó tức là vô niệm; Bảy là y cứ thời, nghĩa là Đại thừa sau ba tăng-kỳ tức là Phật; Tám là y cứ hạnh, là sau tâm Kim cương thì được trí Nhất thiết, trí tức là Phật; Chín là y cứ sinh tử, sau khi diệt hết bảy thứ sinh tử thì tức là Phật; Mười là theo kinh Đại Thừa Đồng Tánh thì có ba thứ Mười địa: Thanh văn mười địa, Duyên giác mười địa, Phật mười địa, là siêu dẫn Tiểu thừa đồng với nghĩa Đại thừa Chung giáo nên nói như thế. Tên mười địa đủ như Sơ nói. Lại có tướng mười địa khác nhau rộng như trong Nhiếp Luận bản dịch vào đời Lương có giải thích.

4- Nói theo Đốn giáo thì chỉ có một môn, đó là Vô tướng. Vì sao? Vì thành Tam-muội Nhất Hạnh, nhân nhất vị chân như mà thành, không thể nói các tướng môn khác thành Phật cũng như đây, tất cả đều lìa, nên gọi là Phật.

5- Y cứ nghĩa Nhất thừa là Mười tín chung tâm, cho đến mười giải vị mười hạnh, mười hồi hương mười địa, Phật địa, tất cả đều thành Phật. Lại ở Mười địa cũng riêng thành Phật, như trong Pháp Bảo Chu La Thiện Tri Thức chép: Vì sao? Vì là nghĩa Nhất thừa, vì dẫn ba thừa và Tiểu thừa đồng ở vị dưới (thấp) và trong thân dưới (thấp) mà được thành Phật. Lại ở Bát địa trở lên tức là thành Phật. Như ở vị này thành tất cả thân Phật vô ngại. Đây là nói theo Biệt giáo. Nếu nói theo Đồng giáo tức là nhiếp chỗ nói đạo lý của bốn thừa trước thì tất cả đều là nghĩa Nhất thừa. Văn tuy đồng mà nghĩa thì khác. Như tướng khác nhau của các pháp này là vì hộ mười địa tùy môn phương tiện mà nói các thứ, khiến các chúng sinh ở trong mười địa mà lìa bỏ tăng thượng mạn. Lại y vào sáu tướng nghĩa chung riêng tức là Nhất thừa, tùy theo tướng riêng mà bày nghĩa thì có ba thừa. Đây là nói theo giáo, thật ra pháp Nhất thừa mười địa cho hết ba đời đã chung rất ráo. Đây là y cứ theo chứng mà nói. Còn các nghĩa khác có nói rõ trong chương riêng.

### **TRONG BỐN PHẦN MÀ NÓI QUYẾT ĐỊNH:**

Có sáu quyết định: Một là Quán tướng khéo léo quyết định tức là tướng chân như quán nhất vị, như kinh nói: Không tạp; Hai là Chân thật khéo quyết định, chẳng phải là tất cả cảnh giới thế gian và xuất thế gian như kinh nói chẳng thể thấy; Ba là Thắng thiện quyết định, ở đây có sáu nghĩa: Một là đại giải thoát cho nên thắng, hai là căn bản của tất

cả Phật, cho nên thắng, ba là Pháp tướng khác pháp nhĩ cho nên thắng, bốn là chân như quán thì hơn phạm phu Nhị thừa cho nên thắng, năm là thuận theo đại giáo cho nên thắng, sáu là vô lậu cho nên thắng. Nói Đại thừa là vì pháp pháp nhĩ, là vì giới Bạch pháp; Bốn là Nhân thiên quyết định, vì có hai thứ: Một là thành vô thường ái quả nhân thiên quyết định, là nhân như hư không. Y kiến mà sinh các sắc sắc bất tận; hai là thường quả nhân thiên quyết định là được đạo Niết-bàn, như kinh nói hết đời vị lai; Năm là Đại thiện quyết định là thuận theo làm lợi ích hạnh khác như kinh che chở tất cả chúng sinh giới, kế trước khéo quyết định, đây là nguyện trong thế gian Niết-bàn không một bề mà trụ; Sáu là Bất khiếp nhược thiện quyết định không khiếp nhược là mà vào tất cả trí địa của chư Phật, như kinh nói: Phật tử là các Bồ-tát cho đến vào trí địa chư Phật hiện tại. Sáu quyết định này là thể của Mười địa. Vì chung cho Mười vô tướng nên cũng chung cho Mười trụ trở xuống, cho nên kinh nói trong mười trụ có năm quyết định. Mười hạnh cũng đồng, chỉ trừ đại thiện. Mười hồi hướng có ba quyết định tức là quán tướng, đại thiện, bất khiếp nhược. Đây là phước hưng hiển vị cao thấp tăng vi, nghĩa chung có thể biết. Nghĩa này chung cho tu sinh và bản hữu, ba thừa và Tiểu thừa không thể biết được. Tánh Phổ Hiền khởi ở vị này. Vì sao? Vì đồng chứng ấy, nghĩa khác ở chương riêng có nói rõ.

#### **TRONG PHẦN THÊM NÓI THÊM Ý CỦA BỐN PHÁP :**

- Bốn pháp tức là bốn kham trí: Một là duyên, hai là pháp, ba là tác, bốn là thành. Bốn trí này giống với sáu tướng trí loại, chỉ có môn là khác. 1/ Duyên tức là duyên thành pháp; 2/ Pháp là tương ứng thành pháp; 3/ Tác tức là duyên năng thành; 4/ Thành, tức là liễu biệt thành tựu, trí biết pháp rõ ràng. Duyên khởi tự tại nên gọi là Kham. Nghĩa này cũng chung cho Nhất thừa và Ba thừa. Vì sao? Vì bốn kham trí này ở trong ba thừa mà thuận là bốn báng và kế hợp Trung đạo. Nghĩa này sẽ nói rộng trong chương riêng.

- Sáu chánh kiến: Luận Kim Cương Tiên chép: Một là Chân thật trí chánh kiến, hay biết ý pháp; Hai là Hạnh chánh kiến là hay biết hạnh pháp. Hai thứ này là giáo chỉ; Ba là giáo chánh kiến hay biết giáo pháp; Bốn là chánh kiến là hai biên, là biết lý pháp ở trước chẳng đồng với tình chấp; Năm là chánh kiến Bất tư nghị, là biết hạnh pháp trước thành đức (ra khỏi) tình; Sáu là Căn dục tánh chánh kiến, là biết giáo pháp trước nói tâm tùy vật. Chánh kiến này là biết giới hạn của pháp. Đây thuận với ba thừa. Nếu thanh tịnh vào Nhất thừa thì tức là mười pháp Minh liễu. Như

trong phẩm Ly Thế Gian nói, đó gọi là pháp thuận theo thế gian minh liễu, vì muốn nuôi lớn tất cả gốc lành thế gian của phàm phu, dùng vô ngại bất hoại Tín minh liễu pháp để giải thích người pháp, chân tánh tín hạnh, dùng An trụ pháp giới minh liễu pháp để hiểu người pháp hạnh, dùng Viên ly tám tà hướng về tám chánh đạo minh liễu pháp để giải thoát tám người, dùng trừ diệt các kết đoạn sinh tử lậu, thấy chân thật đế Minh liễu pháp mà giải thích người Tu-đà-hoàn. Quán vị là huyện trở lại thọ sinh Minh liễu pháp để giải thích Tư-đà-hàm cho đến phút chốc chẳng vui, ba cõi chẳng mê đắm mà thọ sinh chuyên cầu lậu tận, Minh liễu pháp để giải thoát A-na-hàm. Sáu thông tự tại do tám giải thoát tùy ý chánh thọ, chín định thứ đệ nói về pháp minh liễu để giải thoát A-la-hán. Thường ưa vắng lặng, do ngoại duyên mà giải tri tức thiếu sự chẳng do người khác ngộ, thành tựu trí tuệ. Pháp Minh liễu mà giải thoát Duyên giác. Thành tựu thắng trí các căn lanh lợi, tâm thường giải thoát, nuôi lớn vô lượng công đức trí tuệ đầy đủ mười lực vô sở úy, tất cả pháp Phật, pháp Minh liễu mà giải thoát Bồ-tát. Hỏi: Vì sao dẫn pháp thấp kia mà giải nghĩa Minh liễu Nhất thừa sâu xa, nêu ra đây khiến cho người dễ hiểu? Tiểu thừa không có việc này, nhân ánh sáng mà thành tựu đại giải thoát, các nghĩa khác sẽ nói rõ trong chương riêng.

### TRONG THỈNH PHÂN NÓI CHUYỂN Y

Chuyển y, có năm môn: Một là nói chuyển y thể được y, hai là nói trí năng chuyển, ba là nói chướng được chuyển, bốn là nói chuyển được cảm quả, năm là nói vị địa.

Sở y tức là thường thân do thân tự tánh Như Lai tạng trước là sinh tử y, sau chuyển là pháp thân, là rốt ráo y. Trí năng chuyển tức là trí Vô phân biệt. Chướng được chuyển tức là tám vọng tướng, v.v... quả được cảm tức là quả Niết-bàn vắng lặng. Vị được y như Bản Luận dịch vào đời Lương chép: Lược có sáu vị: Một là ích lực tổn năng chuyển, do tùy tín lạc vị trụ huSân tập sức nghe, thế gia tu tuệ tổn tích nghĩa; Hai là thông đạt chuyển, tức là các Bồ-tát đã Đăng địa, do chân thật luống đối hiển hiện làm công năng. Luống đối tức là quán tục trí, hai trí chân tục đều được hiện. Đây chuyển từ Sơ địa đến Lục địa, có ra vào quán là khác; Ba là tu tập chuyển, do người chưa lìa chướng là tất cả tướng chẳng hiển hiện là chân thật hiển hiện y, tức là ba tướng chẳng hiển hiện thì ba vô tướng hiển hiện. Đây chuyển từ Thất địa đến Thập địa, nghĩa là trong đây đồng tu hạnh vô tướng. Dùng bốn địa làm vị bốn quả chuyển đầy đủ, do người đã lìa chướng, tất cả tướng chẳng hiển hiện

mà thanh tịnh chân như hiển hiện đến được tất cả tướng tự tại y, tức là Trí đoạn ân ba đức đầy đủ; Năm là hạ liệt chuyển, do người Thanh văn thông đạt vô ngã; Sáu là quảng đại chuyển, do Bồ-tát thông đạt pháp vô ngã, nghĩa là người, cảnh công năng ba nghĩa đều cao quý. Người là Bồ-tát, cảnh là pháp vô ngã, công năng tức là công năng tự lợi, lợi tha. Đây là giải thích theo trực tiến giáo. Nếu y cứ theo Tiểu thừa tức là kiến tự, v.v... các chuyển, hoặc y cứ vào Sơ hồi tâm giáo thì cũng đồng kiến tu chuyển. Nếu y cứ vào thực giáo thì địa tiền tùy phục, Sơ địa đốn đoạn, Nhị địa trở lên là dứt tập khí. Đốn giáo chẳng nói dứt, Viên giáo thì một dứt, tất cả dứt, cũng như trước nói. Dứt thì không phải đầu, không phải giữa mà là sau dứt. Trong Phổ Hiền giai hạnh vị thì tiệm sai đẳng phục (dẫn khác các phục) các nghĩa khác có nói trong chương riêng.

### THỈNH CẦU VỊ CHỨNG GIÁO HAI ĐẠI

Chứng giáo, tức là y cứ hai phần nhân quả mà nói hai đại: Phần nhân là giáo đại, phần quả là nghĩa đại. Sở dĩ y cứ quả mà nói nghĩa đại, vì quả là vị được khắc. Nghĩa đại là nghĩa pháp được chứng, ở vị tương tự nên y cứ theo đó mà hiển bày. Sở dĩ y cứ nhân mà nói giáo đại là vì nhân vị hay sinh, giáo là nghĩa năng mục phương tiện, vì tương tự nên y cứ theo đó mà hiển, hai phần giáo chứng, đức lượng chẳng phải nhỏ, nên gọi là đại chứng phần, dứt lời là phát thú, là chỗ về rốt ráo, nên gọi là nghĩa. Giáo đại có ba thứ: Một là Nhân thành tựu đại, hai là Tiệm thành tựu đại, ba là Giáo thuyết tu thành tựu đại. Về Nhân thành tựu đại, Địa Luận có kệ nói: Từ bi và nguyện lực do đây mà khắc chứng, nên gọi là Nhân đại, vị ở Địa tiền. Nhân tiệm thành tựu đại, là kệ nói tiệm thứ. Tiệm là nói thứ lớp văn, tư, tuệ.... Cho đến nhân năng sinh trí xuất thế gian là sao? Vì giáo nói tu thành tựu đại, có hai thứ: Một là Mãn túc tu, hai là Quán tu. Mãn túc tu là kệ nói: “Chẳng phải tâm cảnh”. Chẳng phải tâm cảnh: câu này là chỉ bày chỗ tạp cảnh giới của Văn, tư, tuệ chỉ là trí nhân hay sinh trí xuất thế gian, mà đây chẳng có trí địa xuất thế gian. Kệ nói: Trí mãn như tịnh tâm, như tâm xuất thế gian thanh tịnh có thể đủ Trí địa ấy. Quán tu, kệ nói là: Cảnh giới khó thấy khó nói, chỉ tự tâm biết, ta nhờ sức Phật mà nói, đều cùng cung kính nghe. Kệ này hiển bày nghĩa gì, là cảnh giới khó thấy, tự tâm thanh tịnh có thể thấy. Cảnh giới này chẳng thể nói như thế là giáo nói tu thành tựu xong, nghĩa kệ khác có thể biết. Đây là nghĩa chung của ba thừa, trong Tiểu thừa thì không. Vì sao? Vì trong nghĩa Tiểu thừa chỉ nói giáo Nhất thừa Viên giáo. Nếu y cứ theo thấy nghe thì chẳng được phân hai

đại giáo nghĩa. Nếu y cứ theo Phổ Hiền giải hạnh chứng nghĩa thì tức có nói hai đại giáo nghĩa. Nếu đem thấy nghe mà đối Phổ Hiền chứng thì cũng có thể được nói thấy nghe là giáo đại, Phổ Hiền chứng nghĩa là nghĩa đại. Có thể y cứ theo mà biết.

### **PHÂN ĐẦU, PHÂN BIỆT NGHĨA CÁC TÔNG**

Nay luận Nhất thừa, Ba thừa, Tiểu thừa đều có tông thú. Nếu tùy cơ cảm thuốc bệnh nói riêng thì có vô lượng. Nay y theo Bồ-tát Long Thọ giải thích nghĩa Bát-nhã lập ra bốn tất-đàn. Tông ấy nói chung tất cả đều được thành tông, tức là Bồ-tát Long Thọ rất khéo léo.

- Bốn tất-đàn, bốn là số, tất-đàn là tông: Một là tất-đàn thế giới. Thế là thời, giới là giới hạn, tức trong một thời mà bày giáo đúng lý gọi là thế giới; Hai là tất-đàn vị nhân, cơ nghi đều khác đều chấp lấy chỗ Thánh làm nên gọi là nhân tất-đàn; Ba là tất-đàn đối trị, là nói Thánh giáo định cho đương cơ phải hàng phục diệt trừ phiền não nên gọi là Đối trị tất-đàn; Bốn là tất-đàn Đệ nhất nghĩa, không nghe giáo nghĩa lý sự, phải được hàng phục diệt trừ phiền não, sinh trú lậu và vô lậu, tức là tất-đàn Đệ nhất nghĩa. Nghĩa Đệ nhất là bậc nhất trong các nghĩa (nghĩa cao tột nhất). Bốn tất-đàn này cũng như viên ngọc tùy phương đều ứng. Nghĩa tất-đàn cũng như thế. Lại có bốn tất-đàn ẩn là: 1/ Khổ; 2/ Vô thường; 3/ Vô ngã; 4/ Tịch tịnh. Bốn thứ trước là y cứ vào lợi ích, bốn thứ sau là y cứ vào đạo lý. Tên tất-đàn có nhiều, tùy Đại thừa, Tiểu thừa, nhân quả, lậu và vô lậu, hoặc lý hoặc sự, tất cả đều ứng nghi có thể biết. Các nghĩa khác có giải thích rộng trong chương riêng.

### **PHÂN ĐẦU AN TRỤ ĐỊA, NÓI VỀ NĂM SỢ HÃI**

Năm sợ hãi, đó là: 1/ Sợ chẳng sống; 2/ Sợ tiếng xấu; 3/ Sợ chết; 4/ Sợ đọa đường ác; 5/ Sợ oai đức đại chúng.

Ở Sơ địa thì lìa hết các sợ hãi như thế. Vì sao? Vì Sơ địa ngã tướng, còn chẳng tham đắm thân, huống là chỗ dùng, cho nên không sợ chẳng sống. Tâm không mong cầu cúng dường cung kính, mà ta phải cúng dường tất cả chúng sinh, không sợ tiếng xấu vì xa lìa ngã kiến, không sợ chết. Bồ-tát chết rồi chẳng lìa Phật, Bồ-tát nên không sợ đường ác. Bồ-tát ở đời tất cả đều không có, huống chi là có hơn. Không có sợ oai đức đại chúng. Các sợ thứ một, hai, năm là y thân miệng ý, sợ thứ ba, bốn chỉ là y thân mà sợ. Nhân lược có hai thứ: Một là vì tà trí vọng chấp tướng kiến ái trước; hai là vì gốc lành nhỏ ít. Năm sợ hãi ấy nếu y cứ theo Tiểu thừa là pháp thật có. Nếu y cứ theo sơ giáo thì việc ấy sẽ



không. Năm sợ hãi ấy nếu y cứ Chung giáo thì sợ hãi là nghĩa sợ hãi, nếu y cứ Đốn giáo thì tất cả chẳng thể nói. Nếu y cứ Viên giáo thì như việc trước thành, là sao? Là tùy chỗ mà chỉ bày, đều thành đạo sự của Bồ-tát. Các nghĩa khác có giải thích rõ ở chương khác.

### **SO SÁNH PHẦN HƠN TRƯỚC NÓI MƯỜI NGUYỆN:**

#### ***Mười nguyện:***

Một là Nguyện cúng dường, tức không sót tất cả Phật (không sót Đức Phật nào), tất cả đều cúng dường, tất cả đều cung kính, tất cả các thứ đều đầy đủ nhất, tin sâu thanh tịnh, rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, đến hết đời vị lai. Trong đây cúng dường có sáu thứ lớn: Một là ruộng phước lớn, tức là tất cả Phật; hai là cúng thờ lớn, tức là tất cả đều đầy đủ; ba là tâm lớn, là tin sâu thanh tịnh; Bốn là nhiếp công đức lớn, là rộng lớn như pháp giới; năm là nhân lớn, là rốt ráo như hư không; sáu là thời lớn, tức là đến hết đời vị lai.

Hai là Nguyện thọ trì, thọ trì có ba nghĩa: Một là đối với kinh giáo chư Phật nói mà thứ lớp khiến pháp luân chẳng dứt thành tựu; Hai là chứng ba thứ Chánh giác được chứng thành tựu; Ba là tu hành ở nhân ba Chánh giác đều khiến tu hành thành tựu. Chánh giác là Thanh văn, Bích-chi-phật cũng gọi là Phật.

Ba là Nguyện nhiếp pháp Thượng thủ.

Bốn là Nguyện biết tâm hạnh chúng sinh mà giáo hóa tất cả khiến tâm tăng trưởng là chỗ làm của Bồ-tát.

Năm là Nguyện giáo hóa chúng sinh, là tùy chúng sinh ấy thô tế khác nhau, gọi là sắc được nhiếp, khiến tin vào pháp chư Phật nói. Người đã vào pháp rồi thì khiến vào Nhị thừa Bồ-đề. Người đã vào Nhị thừa Bồ-đề rồi thì khiến vào Vô thượng Bồ-đề.

Sáu là Nguyện biết thế giới, nghĩa là biết tất cả tướng, cho đến chánh trụ và đảo trụ. Cho đến như mảnh lưới trời Đế-thích sai biệt chân thật nghĩa tướng như nghiệp huyễn tác. Nghĩa tướng chân thật, chỉ là trí hay biết. Các tướng khác có thể hiện thấy.

Bảy là nguyện biết Tịnh độ, có bảy thứ: Một là Đồng thể tịnh. Như kinh nói: Tất cả cõi Phật là một cõi Phật, một cõi Phật là tất cả cõi Phật; hai là Tự tại tịnh, như kinh nói tất cả cõi Phật đều bình đẳng thanh tịnh; ba là Trang nghiêm tịnh, như kinh nói tất cả cõi Phật là thân thông trang nghiêm, tướng sáng đầy đủ, ánh sáng trang nghiêm, các báu trang nghiêm; bốn là Thọ dụng tịnh, như kinh nói là tất cả phiền não, thành tựu đạo thanh tịnh; năm là Trụ xứ chúng sinh tịnh, như kinh nói có vô

lượng trí tuệ chúng sinh đều ở đây trong đó; sáu là nhân tịnh, như kinh nói vào cảnh giới bình đẳng thượng diệu của Phật; bảy là Quả tịnh, như kinh nói tùy tâm chúng sinh ưa thích mà thị hiện Hiển bày thần lực, v.v...

Tám là Nguyên đồng tâm đồng hạnh, có mười thứ: Một là cùng tu gốc lành không oán thân; hai là tất cả Bồ-tát bình đẳng nhất quán; ba là thường gần gũi chư Phật, Bồ-tát chẳng rời bỏ; bốn là tùy ý hay hiện thân Phật; năm là trị ở trong tâm hiểu biết các thần lực trí lực của chư Phật; sáu là được Bất thối tùy ý thần thông; bảy là đều có khả năng đến khắp tất cả thế giới; tám là tất cả hội Phật đều hiện thân tướng; chín là tất cả chỗ sinh khắp trong ấy; mười là thành tựu Đại thừa không thể nghĩ bàn. Đây đủ hạnh Bồ-tát.

Chín là Nguyên ba nghiệp chẳng phải không. Ở trong chẳng phải không có hai thứ: Một là làm nghiệp ắt nhất định chẳng không, vì nghiệp thân miệng ý ra làm chẳng không; hai là làm lợi ích chẳng không, như thân cây thuốc vua, như được thân báu như ý.

Mười là Nguyên thành Bồ-đề, như kinh nói thành A-nậu-đa-la-Tam-miệu Tam-bồ-đề. Làm nghiệp có bảy thứ: Một là bày nghiệp Chánh giác, hai là nói nghiệp báu đế, ba là chứng nghiệp giáo hóa, bốn là các thứ nghiệp nói pháp, năm là nghiệp chẳng dứt giống Phật, sáu là nghiệp pháp luận lại trụ, bảy là nghiệp tự tại.

Mười nguyện như thế, Sơ địa trở lên thì thành, Địa Tiên thì tùy sức tùy phần. Đây là nói theo ba thừa, nếu y cứ theo Nhất thừa giáo thì Thập Tín chung tâm đầy đủ tất cả nguyện. Các nghĩa khác có thể biết.

\* Ba thứ Bồ-đề: Một là Thanh văn Bồ-đề, hai là Duyên giác Bồ-đề, ba là Phật Bồ-đề. Y theo giáo phần vị mình rất ráo. Hư thông gọi là Đạo. Hỏi: Thanh văn Duyên giác đã chẳng phải là nhân rất ráo thì làm sao cùng Phật được gọi là Bồ-đề? Đáp: Thanh văn, Duyên giác nếu đối với Phật thì chẳng phải rất ráo, nếu đối với đương vị y giáo giới hạn thì chẳng khác làm Phật. Thành A-la-hán tức là rất ráo, nên riêng được gọi Bồ-đề. Nếu là Nhất thừa sở mục thì thuộc về Nhất thừa. Các nghĩa khác nói ở chương khác.

So sánh mười hạnh như tín, v.v...

Mười hạnh: Một là tín, hai là bi, ba là từ, bốn là xả, năm là chẳng biếng lười, sáu là biết các kinh luận hiểu rõ thế pháp, bảy là biết hổ thẹn, tám là có sức bền chắc, chín là cúng dường chư Phật, mười là đúng như lời nói mà tu hành. Nghĩa này thấy nghe ở Nhất thừa, ở Ba thừa và Thanh văn, trời, người v.v..., ba mươi câu như tiền tín v.v... là pháp

thanh tịnh địa. Nay mười câu tín, v.v... là bày pháp địa tịnh. Các nghĩa khác như ở chương khác có nói rõ.

So sánh với duyên khởi trong từ bi:

Về duyên khởi, bậc Đại Thánh nhiếp chúng sinh, muốn khiến khế lý mà bỏ sự. Phạm phu thấy sự liên mê lý, bậc Thánh được lý thì không có sự. Nay nêu thật lý để hiểu mê tình, giúp các hữu tình biết sự tức không, ngay nơi sự mà hiểu lý, nên nêu lên giáo này. Nên Địa Luận chép: Tự tướng có ba thứ: Một là Báo tướng danh sắc cùng thức A-lại-da sinh, như kinh nói đất ở ba cõi lại có mầm sinh. Đó gọi là danh sắc cộng sinh, nên gọi là danh sắc. Cộng sinh là danh sắc sinh với nó; Hai là nhân tướng ấy là danh sắc nên chẳng lìa ý nó, vì nó cùng sinh. Như kinh nói chẳng lìa; Ba là tướng thứ lớp của quả ấy. Từ Sáu nhập đến hữu. Như kinh nói danh sắc này lớn lên mà thành Sáu nhập, thành Sáu nhập rồi trong ngoài đối nhau, trong ngoài đối nhau mà sinh ra xúc. Xúc do duyên nên sinh thọ, rất ưa thích thọ nên khát ái, khát ái thêm lớn nên sinh ra thủ. Thủ thêm lớn nên khởi lên hữu sau (thân đời sau). Nhân duyên vì hữu nên sinh già bệnh chết ưu bi khổ não. Chúng sinh như thế sinh trưởng nhóm khổ. Trong ấy mà lìa ngã, ngã sở, hai thứ này hiện bày vô tri vô giác. Tự thể nó là vô ngã nên phải biết mười hai nhân duyên này tức tự thể nó tánh không nương vào thức A-lê-da mà sinh. Lê-da sâu kín tự thể vô ngã mà sinh ra mười hai nhân duyên, mười hai nhân duyên cũng đều vô ngã, là duyên sinh chẳng có pháp nào khác. Nếu Phật duyên khởi quán môn (môn quán về duyên khởi) để hiểu các pháp, thì tất cả không phân biệt tức thành thật tánh. Địa Luận nói: thuận theo quán thế để liền vào nghĩa đế Đệ nhất, là việc ấy. Duyên khởi quán môn có ích như thế. Nghĩa này ở Ba thừa, cũng chung Nhất thừa mà nói. Vì sao? Vì là chỗ y cứ, nếu cứ vào duyên khởi hơn kém thì nó là Thắng quán (quán cao siêu), cũng tức là Tiểu thừa trong Nhất thừa. Tuy có tên gọi mà không trái nghĩa ấy. Vì sao? Vì chẳng dứt pháp ngã. Nghĩa khác có giải thích trong chương riêng.

### **TRONG PHẦN QUẢ NÓI ĐIỀU NHU BỐN QUẢ**

Bốn quả: Một là Điều nhu quả lợi ích thắng, hai là phát thú quả lợi ích thắng, ba là Nhiếp báo quả lợi ích thắng, bốn là Nguyện trí quả lợi ích thắng. Nói điều nhu, tức hạnh làm thể. Phát thú tức giải trí làm thể, tức là tuệ trí văn, tư. Nhiếp báo tức quả báo năm ấm làm thể. Nguyện trí tức lấy thành dụng làm thể. Điều nhu nhiếp ba quả báo, nguyện, trí các địa đều hạn cục chẳng thông nhau. Khi phát thù một quả thì nghĩa

chung cho các địa. Các nghĩa khác có nói rõ ở chương khác.

### **ĐỊA THỨ HAI. TRƯỚC NÓI BA NHÓM GIỚI :**

Ba nhóm giới: Một là giới Nhiếp luật nghi, hai là giới Nhiếp thiện pháp, ba là giới Nhiếp chúng sinh. Các chủng loại giới lược có bốn thứ: Một là theo Du-già có bốn Ba-la-di; hai là theo kinh Anh Lạc, Phạm Võng có mười vô tận giới; ba là theo kinh Phương Đăng có hai mươi bốn giới, lại có hai thứ: Một là nói giới của Bồ-tát thọ có hai mươi bốn giới: Một là chúng sinh đói khát xin thức ăn uống, đồ nằm mà không cho thì phạm tội trọng; hai là dâm dục vô độ chẳng chừa cấm thú thì phạm trọng; ba là thấy có Tỳ-kheo nuôi vợ con mà tha hồ nói lỗi thì phạm trọng; bốn là thấy người lo buồn muốn tự giết mình, lấy ý mình làm tăng thêm sự tức giận người khác, giết hại người khác thì phạm trọng; năm là ở chỗ hoang vắng mà giữ tiền của thì phạm trọng; sáu là thấy người khác muốn tự vẫn mà dùng lời ngon ngọt khen ngợi khiến họ tức giận thì phạm trọng; bảy là thấy người khác muốn đốt phòng tăng mà không hết lòng can ngăn thì phạm trọng; tám là hoặc thấy hoặc nghe người khác phạm trọng tội nếu chẳng ba lần đến khuyên sám hối thì phạm trọng; chín là thấy có người gây ra năm tội nghịch mà chẳng quả trách khuyên bỏ thì phạm tội trọng; mười là thấy nghe người khác muốn làm lạnh lại khởi tức giận phá hoại họ thì phạm trọng; mười một là thấy người khác ham mê rượu thịt, (mà không đem) tình mình đến khuyên trách để trừ nhân duyên thì phạm trọng; mười hai thấy người dâm vợ con người khác mà mách bảo chồng họ thì phạm trọng; mười ba là nhìn kẻ thù mà có ý tưởng oán thù thì phạm trọng; mười bốn thấy người khác coi kẻ thù như con, bèn đến nói “Sao coi người này như con vậy?”, thì phạm trọng; mười lăm là thấy người khác đánh nhau mà giúp gây gộc cùng đánh thì phạm trọng; mười sáu thấy người khác che giấu mà đem mách với người khác khiến họ tức giận thì phạm trọng; mười bảy thấy nghe người khác làm việc lành, đến bảo đều chẳng nên làm thì phạm trọng; Mười tám đi ở chỗ quảng đường trông thấy người xây cấp tháp miếu, xây cất tinh xá mà chẳng giúp sức thì phạm tội trọng; mười chín là thấy nghe có người lìa thiện tri thức, gần gũi bạn xấu mà khen tốt chẳng khuyên bỏ thì phạm tội trọng; hai mươi là ở nhà Chiên-đà-la, ở chỗ người ác chó dữ hoặc chỗ người Thanh văn, Nhị thừa v.v..., trừ mình có việc gấp phải đến, thì phạm trọng; Hai mươi một là thấy, nghe, nghi giết nghĩ là thấy, nghe, nghi mà ăn thịt ấy thì phạm trọng; Hai mươi hai là thấy nghe nghi giết mà nghĩ là chẳng thấy, nghe, nghi, giết, nếu

chẳng ăn thịt ấy thì phạm trọng; hai mươi ba biết rõ phương tiện, hiểu rõ căn cơ chúng sinh, nếu bảo chẳng nói thì phạm trọng; hai mươi bốn là thấy các Bồ-tát, hoặc thấy các người khác đều chẳng được nói với người mà thân hiện tại có chướng ngại đạo pháp, hoặc bị bệnh cùi hủi, có lúc ngu si, có lúc mù lòa, có lúc mất mờ vọng tưởng, phân biệt các pháp, thì phải được ngu si.

- Hai là nói Hộ giới cảnh giới, nói rộng như trong kinh Đại Phương Đẳng quyển bốn. Bốn là theo Luận Thập Địa nói Thập Thiện pháp giới. Hỏi: giới này sao khác? Đáp: y theo giới tướng cũng có khác nhau. Hai mươi giới là người mới học thọ. Cùng gửi gắm cho người tục mười giới vô tận ở được vị trước chung cả đạo tục. Bốn giới Ba-la-di ở trực tiến là người xuất gia lược gửi tướng khác, y cứ vào căn hạnh, lợi ích cũng được nói thông. Mười pháp giới lành phó thác ở Mười địa, kiến văn và tu hành nghĩa ấy cũng thông. Lại mười thiện giới này là tánh giới không có pháp thọ riêng. Y cứ vào nghĩa này ở cao cũng được. Nhiếp từ Luân vương hóa tục đây cũng thông ở dưới. Tuy nói thông ở dưới mà nghĩa riêng, tức là thông tánh khởi giới. Nghĩa này chẳng thông, ngu pháp tiểu thừa, hoặc hồi tâm Thanh văn mà thọ thì giới tướng khác nhau đồng nhau, cộng Bất cộng học. Rộng trong Nhiếp Luận Giới Học bản dịch đời Lương có nói.

*Mười nghiệp đạo xấu ác:*

Mười nghiệp ác: 1/ Giết; 2/ Trộm; 3/ Tà dâm; 4/ Nói dối; 5/ Nói lời ác độc; 6/ Nói hai lưỡi; 7/ Nói thêu dệt; 8/ Tham; 9/ Sân; 10/ Ngu si. Nghiệp có hai thứ: Một là nghiệp bất thiện, có tánh trái lý; hai là pháp ác luật nghi đều chung cho ba nghiệp. Tánh mười ác cũng có tác và vô tác. Tác có ba thứ là tự làm, bảo người khác làm thấy nghe làm, mà vui theo. Vô tác có một thứ tức đều không làm. Hỏi: luật nghi ác vì sao chẳng đồng trong giới thân đều không làm? Đáp: luật nghi ác nghiệp cũng có sinh vào nhà ác luật nghi. Đã biết rõ mà giết hại đủ thì đó là ác luật nghi, chẳng phải chỉ chuyên hện tâm trong thời gian dài, phân hạn mà phát ác luật nghi. Vì có nghĩa sai khác này nên chẳng đồng thiện giới đều làm. Cũng có người thể được ác luật nghi nhưng chẳng phải là tất cả. Lại có bí mật làm mười ác mà lại là thiện. Như Nhiếp Luận dịch vào đời Lương nói: Lại có kinh nói: Thế nào là Bồ-tát làm sát sinh là như Bồ-tát có đoạn mạng chúng sinh không cho nối tiếp. Giải thích rằng: Nếu có mạng thì biết có nghiệp, nếu có nghiệp thì biết có hoặc, do đầy đủ ba thứ này, nên sáu đường bốn loài nối nhau chẳng dứt. Nếu Bồ-tát tùy theo căn tánh ấy mà nói Thánh đạo ba thừa, khiến họ tu hành

dứt ba pháp này mà được quả Niết-bàn Vô Dư. Chẳng nối tiếp chúng sinh tức là đoạn mạng, nên gọi là sát sinh. Luận chép: Thế nào là Bồ-tát cướp của người không cho? Là như Bồ-tát tự cướp của người không cho. Giải thích rằng: Vì Bồ-tát dùng đại bi nhiếp tất cả chúng sinh xem là quyến thuộc, khiến lìa hiểm nạn sinh tử đoạt của người khác không cho, chúng sinh chẳng phải là cha mẹ và người chủ cho, nên gọi là cướp của người không cho. Luận nói: Thế nào là Bồ-tát làm việc tà dâm, là như Bồ-tát ở trong dục trần mà khởi ý tà. Giải thích rằng ba nghiệp của Bồ-tát cùng dâm dục trái nhau, ý biết là luống dối chẳng thật, nó là gốc các điều ác, miệng thì nói như thế, thân chẳng làm việc ấy, cũng là trái nhau tức là ở dục trần mà khởi ý tà nên gọi là làm việc tà dâm. Luận nói: Thế nào là Bồ-tát hay nói dối? Là như Bồ-tát hay nói lời dối. Giải thích rằng: Tất cả pháp đều là luống dối. Bồ-tát như luống dối mà nói, nên gọi là hay nói dối. Luận nói: Thế nào là Bồ-tát nói hai lưỡi, là như Bồ-tát thường trụ ở chỗ tối cực vắng lặng. Giải thích rằng: Hai lưỡi khiến kia đây bất hòa. Bồ-tát nghĩ không nói không, khiến mình người chẳng thấy kia đây, hướng chi là hòa hợp. Nên gọi là nói hai lưỡi. Luận nói: Thế nào là Bồ-tát hay trụ Ba-lưu-sư, là như Bồ-tát trụ biết là bờ kia. Giải thích rằng: Nếu y theo nói thẳng Ba-lưu-sư gọi là ác khẩu (nói lời hung ác), ở chỗ người ác khẩu, không gần gũi người khác (không gần gũi với người khác) chỗ Bồ-tát trụ biết là bờ kia, tức là ba lý vô tánh, cũng chẳng bị chúng sinh gần gũi. Vì lý này không phải là chỗ làm của phàm phu và Nhị thừa, cho nên nói là hay trụ ác khẩu. Lại nếu y theo mật ngữ thì Ba-lưu-sư gọi là trụ bờ kia, tức là dùng lời bí mật mà hiển rõ lời nói thẳng. Luận chép: Thế nào là Bồ-tát hay nói lời chẳng tương ưng? Là như Bồ-tát hay gửi gắm các pháp, nghĩa là căn, trần, thức đều không thật có. Không thật có này chẳng nhất định là không, cũng chẳng nhất định là có, có - không đều chẳng thật có nên gọi là hay nói lời chẳng tương ưng. Luận nói: Thế nào là Bồ-tát hay làm A-tỳ-trì-ha-lâu là như Bồ-tát luôn luôn khiến thân mình được các định vô thượng. Giải thích rằng: Nếu y theo lời nói thẳng thì A-tỳ-trì-ha-lâu là tham dục. Người làm việc tham dục ắt yêu thích ngoại trần, Bồ-tát thường vui khiến thân mình được định tối thắng, nên gọi là làm việc tham dục. Nếu y theo mật ngữ thì A-tỳ-trì-ha-lâu gọi là thường được định, tức dùng mật ngữ mà hiển lời nói thẳng. Luận nói thế nào là Bồ-tát khởi tâm giết hại, là như Bồ-tát ở tâm địa mình, người mà dứt các hoặc. Giải thích rằng: Tức giận lấy ghét hại làm tướng. Bồ-tát tác ý muốn dứt tất cả phiền não của mình và người nên gọi là khởi tâm giết hại. Luận chép: Thế nào là Bồ-tát khởi

tà kiến, là như Bồ-tát ở tất cả mọi nơi khắp làm tà tánh, như lý mà quán sát. Giải thích rằng: Đại thừa vì có phân biệt là tá tánh, phân biệt tánh làm khắp. Ở tánh y tha tức là tà tánh, nếu lìa phân biệt thì gọi là nhân - pháp không chân tánh. Tiểu thừa lấy thân kiến làm tánh, nhân thân kiến này sinh ra các hoặc. Nếu lìa thân kiến thì tất cả tà chấp đều chẳng khởi mà được nhân không chân tánh. Bồ-tát năng đúng lý mà quán sát tà tánh này, thấy rõ là tà nên gọi là khởi tà kiến. Các nghĩa khác có nói rõ trong chương khác.

*Bảy thứ tà kiến:* Tà kiến có bảy thứ: Một là Dị thừa tà kiến tùy thuận chánh đạo mà riêng lấy Niết-bàn vô dư, tức là người ngu pháp Thanh văn; hai là Hư vọng phân biệt kiến; ba là Giới thủ tịnh kiến, nghĩa là các thứ bói toán xem tướng, đoán lành dữ là hư vọng kiến, ác giới kiến, v.v... là giới thủ tịnh kiến. Ác giới kiến là tự chấp cái thấy của mình; bốn là tự cho vọng kiến của mình là chánh kiến, tức tâm phiền não, v.v... 5/ Phú tàng kín là che giấu bên trong; 6/ Đối hiện bất thật kiến: là hiển bày tướng ngoài là phải; bảy là Phi thanh tịnh kiến, là như đem thế gian làm Niết-bàn, các thứ kiến này đều chẳng cho Phật kiến là đúng, nên gọi là tà kiến. Nghĩa này đối với Tiểu thừa và Ba thừa, có một phần coi là Nhất thừa, tức thuộc về Nhất thừa. Nghĩa khác có nói rõ trong chương khác.

*Mười nghiệp đạo thiện:*

Mười thiện trái với mười điều ác ở trước mà thành mười điều thiện. Nghĩa thiện khác nhau, có năm thứ: Một là trời, người mười điều thiện; hai là mười thiện của Thanh văn; ba là mười thiện của Duyên giác; bốn là mười thiện của Bồ-tát. Hỏi: Đã năm lớp mười thiện thì mười ác cũng đồng mười thiện ư? Đáp: Do nghĩa thiện thuận với lý, lý pháp sâu xa nên có năm lớp chẳng đồng với nghiệp ác. Bất thiện là từ các tướng thô phân biệt, các tư sinh ra chỉ có một thứ, không có năm lớp khác. Mười nghiệp lành này do phụ quán trí, trí đã dần sâu, phước cũng dần tế, cho nên khác nhau. Các nghĩa khác có nói rõ trong chương khác.

Trong giới nhiếp sinh, nói bốn đảo:

Bốn đảo: 1/ Thường; 2/ Lạc; 3/ Ngã; 4/ Tịnh. Hai Đảo danh là ác ý, chuyên Niệm hạnh, hai Đảo danh là tâm ác không phải chuyên Niệm hạnh, bảo là ta nghĩ tịnh (tịnh tư của ta). Hai đảo ác ý chuyên niệm hạnh. Ty duyên gọi là ý. Hai đảo thường lạc, trong duyên hiện khởi nên gọi là ý. Trái lý gọi là ác, là khởi phiền não tác ý mà sinh nên gọi là chuyên Niệm hạnh. Hai Đảo ác tâm không phải chuyên niệm, căn bản tập khởi là nghĩa tâm ấy. Hai đảo ngã tịnh hãy xem thường lạc trước. Căn bản

tập khởi nên nói tâm. Ngã là gốc thường, tịnh là nguồn vui, hai tánh này thành không phải do tác ý sinh, nên gọi là chẳng phải chuyên niệm. Đảo là trái ngược với thường, lạc, ngã, tịnh là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh, ấy gọi là tám đảo. Thanh văn diệt bốn đảo, Bồ-tát diệt tám đảo. Đây là nói theo tâm chánh. Nếu y cứ vào tàn tập thì bốn đảo, tám đảo đều trừ Bồ-tát. Nếu y vào Sơ giáo Thập địa thì đoạn chẳng phân tập khí. Nếu y cứ vào Chung giáo thì Địa tiền phục tâm trên. Sơ địa diệt hạt giống. Thập Địa lại dần diệt tập khí. Phật địa thì dứt hẳn. Nếu phân hoặc thể thì bốn đảo thường, v.v... là kiến đạo hoặc, bốn thứ vô thường v.v... là tâm phiền não. Nếu y cứ vào Nhất thừa thì hoặc ấy rộng lớn vô tận. Vì năng chứng môn Phổ Hiền nên tất cả đều dứt, các nghĩa khác có nói rộng trong chương khác.

### **ĐỊA THỨ BA: TRONG YẾM PHẦN NÓI VỀ BỐN TỊNH LỰ, TÁM THIÊN:**

Thế gian đạo thiên, tức là sơ tịnh lực, Đệ nhị tịnh lực, Đệ tam tịnh lực, Đệ tứ tịnh lực (Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên) của thế gian. Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Như thế là Tịnh lực vô sắc, do bốn thứ tương ứng rộng phân biệt, tức là tạp nhiễm, là thanh bạch, là kiến lập, là thanh tịnh tạp nhiễm, tức bốn căn vô ký: Một là ái, hai là kiến, ba là mạn, bốn là vô minh. Do bốn thứ hoặc này mà nhiễm ô tâm, nên đối với các ô nhiễm tịnh lực định môn, nên khiến ở cõi Sắc, Vô Sắc, tất cả các phiền não hữu phú vô ký và tùy phiền não lớn lên chẳng dứt. Vì sao? Vì có ái nên vị Thượng tịnh lực tạp nhiễm làm nhiễm mà tham vị Lạc tịnh lực, vì có ái, nên khiến Thượng tịnh lực tạp nhiễm làm nhiễm, nên y chỉ tịnh lực mà phát khởi chấp chặt các kiến đời trước. Vì có mạn mà mạn Thượng tịnh lực tạp nhiễm làm nhiễm nên y theo chứng thắng định mà khởi cao mạn. Do có vô minh nên Nghi thượng tịnh lực nhiễm làm nhiễm. Cầu giải thoát là do chưa thông suốt đạo chân thật, nên ở thắng phẩm chứng mà thường sinh nghi ngờ là giải thoát hay chẳng giải thoát. Như thế phiền não thường nhiễm tâm ấy khiến hai hoặc lớn, nhỏ của Sắc và Vô sắc tiếp nối trôi lăn. Thanh bạch tức là thanh tịnh tịnh lực vô sắc, do tánh thiện nên gọi là thanh bạch. Tuy là thế gian nhưng lia triền cấu, nên cũng gọi là Tịnh. Về Kiến lập, có bốn thứ kiến lập là: Chi phần kiến lập, Đăng chí kiến lập, Phẩm loại kiến lập, và Danh tướng kiến lập, ở các vô tướng đều có bốn thứ kiến lập. Trong các Vô Sắc chỉ có ba thứ, trừ chi phần ra. Chi phần kiến lập là sơ tịnh lực có năm chi: 1/ Tâm; 2/ Từ; 3/ Hỷ; 4/ Lạc; 5/



Tâm tánh một cảnh. Tịnh lực (thứ hai) có bốn chi: 1/ Nội đẳng tịnh; 2/ Hỷ; 3/ Lạc; 4/ Tâm tánh một cảnh. Tịnh lực thứ hai có năm chi: 1/ Xả; 2/ Niệm; 3/ Chánh tri; 4/ Lạc; 5/ Tâm tánh một cảnh. Tịnh lực thứ tư có bốn chi là: 1/ Xả thanh tịnh; 2/ Niệm thanh tịnh; 3/ Thọ chẳng khổ chẳng vui; 4/ Tâm tánh một cảnh. Hỏi: Pháp có vô lượng, vì sao chỉ lập tâm từ v. v... làm chi? Đáp: Vì đối trị chi, lợi ích chi hai thứ đó y vào tự tánh chi, do ba thứ chi phần này đầy đủ chẳng đợi dư, cho nên trong Sơ tịnh lực hai thứ tâm - từ là đối trị chi có công năng dứt Dục, nhuế, hại, v.v... các tâm từ của cõi dục. Hỷ lạc hai thứ là lợi ích chi, do tâm từ chi mà tự chỗ tự đã xong, thì được ly sinh hỷ lạc. Tâm tánh một cảnh, là chỗ hai thứ ấy y chỉ tự tánh chi, y chỉ định lực tâm, v.v... biến chuyển. Trong Tịnh lực thứ hai, Nội đẳng tịnh là Đối trị chi, do đây mà năng trị tâm tư. Hỷ lạc là lợi ích chi. Tâm tánh một cảnh là chỗ hai thứ ấy y tự tánh chi (là chỗ sở y tự tánh của hai thứ ấy). Nghĩa như trong đó nói. Trong Tịnh lực thứ ba, thì xả niệm chánh tri là đối trị chi, do ba thứ này năng đối trị hỷ lạc. Lạc là lợi ích chi, tâm tánh một cảnh là chỗ hai thứ ấy y tự tánh chi, nghĩa như trước nói. Trong Tịnh lực thứ tư thì xả thanh tịnh, niệm thanh tịnh là đối trị chi, do hai thứ này nay đối trị lạc. Còn thọ chẳng khổ chẳng vui là lợi ích chi. Tâm tánh một cảnh là chỗ hai thứ ấy y tự tánh chi. Trong các Vô Sắc chẳng lập chi phần, vì Xa-ma-tha tánh một vị. Đăng chí kiến lập là do bảy thứ tác ý này mà chứng nhập Sơ tịnh lực. Như thế cho đến Phi tướng Phi phi tướng xứ. Bảy thứ tác ý là: 1/ Liễu tướng tác ý; 2/ Thắng giải tác ý; 3/ Viễn ly tác ý; 4/ Nhiếp lạc tác ý; 5/ Quán sát tác ý; 6/ Phương tiện rốt ráo tác ý; 7/ Phương tiện rốt ráo quả tác ý. Ở đây phân biệt rộng như Thanh Văn Địa Hậu Du-già Xứ chép: Thế nào là khi chứng nhập Sơ tịnh lực do bảy tác ý, nghĩa là do Định địa tác ý thấy các tội lỗi trong cõi dục mà hiểu rõ tướng thô. Trong Sơ tịnh lực thì tướng này không có nên gọi là Tịnh tướng. Đó gọi là Liễu tướng tác ý. Như thế tác ý bị văn tư làm xen lẫn. Từ đây trở lên vượt khỏi văn tư, một mực duyên với thô tịnh tướng làm cảnh giới. Tu Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na (chỉ quán) thường suy nghĩ như chỗ tâm tư thô tịnh tánh tướng. Đó gọi là thắng giải tác ý. Do tu tập thứ này đầu tiên đoạn đạo nên sinh đó, đều làm tác ý nên gọi là Viễn ly tác ý, do đây làm dứt phiền não Thượng phẩm và xa lìa phẩm Thô trọng đó. Quán hạnh này, lại vui mừng trên lạc trên kiếp mà đoạn công đức rồi thì xúc thiếu phần xa lìa hỷ lạc, vì muốn dứt bỏ hôn trầm thù miên, tu tập tịnh diệu tác ý để làm vui tâm mình. Đó gọi là Nhiếp lạc tác ý. Như thế mà chánh tu hành phương tiện thiện phẩm, vì chỗ giúp giữ khiến quả hệ phiền não triển cấu cõi Dục

chẳng còn hiện hành, do đây vì muốn xét phiền não đã dứt hay chưa dứt, lại phải tác ý quán sát nó sinh ra thuận theo tịnh tướng. Đó gọi là quán sát tác ý. Như thế người tu luôn quán sát tiến tu đối trị vì khiến cõi dục tất cả phiền não tạm thời được xa lìa buộc ràng. Đó là đối trị đạo tương ứng tác ý. Đó là phương tiện sau cùng của sơ tịnh lự, nên gọi là Phương tiện rốt ráo tác ý, từ đây vô gián mà chứng được căn bản. Tịnh lự đầu tiên đồng thời tác ý, đó gọi là phương tiện rốt ráo quả tác ý. Lại do liễu tướng tác ý mà phát tâm mong cầu mà nguyện hiểu rõ chỗ nên đoạn, chỗ nên được, mà làm đoạn làm được. Do thắng giải tác ý làm chỗ mong cầu mà phát chánh phương tiện. Do xa lìa tác ý mà bỏ hoặc thượng phẩm. Do nhiếp lạc tác ý mà bỏ hoặc trung phẩm. Do quán sát tác ý mà an tâm ở chỗ chứng, xa lìa tăng thượng mạn. Do phương tiện rốt ráo tác ý mà bỏ hoặc hạ phẩm, do phương tiện rốt ráo quả tác ý mà lãnh hội chỗ tu tác ý tu quả. Như vì chứng nhập định Sơ tịnh lự mà tu bảy tác ý. Như thế cho đến vì chứng nhập định Phi tưởng Phi phi tưởng xứ như chỗ phải biết. Lại thô tướng, tức là tất cả địa dưới từ cõi dục cho đến vô sở hữu xứ. Như thế thô tướng lược có hai thứ: Một là trụ ở chỗ rộng không vắng lặng, cuộc sống nhỏ nhoi, thọ mạng ngắn ngủi. Tịnh tướng, nghĩa là tất cả Thượng địa, từ Sơ tịnh lự cho đến Phi tưởng Phi phi tưởng xứ trái với thô tướng. Phẩm loại kinh luận là ở Sơ tịnh lự định đủ ba phẩm huân tu, nghĩa là Nhuyễn trung thượng như sơ tĩnh lự, ở trong các tịnh lự khác với Vô sắc, ba phẩm huân tập cũng thế. Do Nhuyễn trung, thượng phẩm huân tu sơ tĩnh lự, nên đối với Sơ tĩnh lự lại sinh ba dị thực như Sơ tĩnh lự trong các tĩnh lự khác, hoặc huân tu, hoặc sinh quả, ba phẩm đều cũng thế. Trong các tịnh lự ba phẩm huân tu sinh ba quả tức là trời Phạm chúng và trời Phạm phụ, trời Đại phạm. Như thế, v.v... rộng như ở trước nói. Trong cõi vô sắc không có chỗ riêng nên chẳng lập sinh quả sai khác. Vì sao? Vì ở cõi vô sắc không có chỗ đặt cung điện, nên chẳng kiến lập sinh quả khác nhau, nhưng do ba phẩm huân tu định vô sắc nên dị thực khi sinh thì có cao thấp hơn kém. Dị thực khi sinh có cao thấp là do thọ mạng có khác nhau. Danh tướng kiến lập, nghĩa là trong bốn tịnh lự, Tam-ma-địa có vô lượng tên gọi khác nhau chẳng thể tính đếm, chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Trong Sơ tĩnh lự sở nhiếp định chư Phật Thế Tôn, và Bồ-tát Ma-ha-tát đã được oai đức rộng lớn rốt ráo mà vào Tam-ma-địa. Tam-ma-địa ấy, tất cả Thanh văn và Độc giác còn chẳng biết tên, há là biết số, huống chi là chứng nhập. Như trong kinh Bát-nhã ba-la-mật-đa chép: Tam-ma-địa số đó hơn trăm. Như thế trong kinh Đại thừa khác nói Tam-ma-địa thì nhiều vô lượng,

như ở Sơ tĩn lự sở nhiếp định thì ở các tĩn lự thuộc Vô sắc khác cũng thế. Như thế chỗ nói đều y vào Tĩn lự Ba-la-mật-đa. Thanh tịnh tức là Biên tế định trong Sơ tĩn lự, cho đến định Biên tế của phi tưởng phi phi tưởng xứ, đó gọi là thanh tịnh. Định Biên tế của tĩn lự Vô sắc, là muốn riêng phát thắng phẩm công đức được tự tại. Đồng tu định kham nhẫn đến chỗ rốt ráo. Hỏi: Vì sao chẳng nói Định xuất thế. Đáp: Vì nay do nêu định thế gian chúng Tam địa đồng với thế gian. Lại hỏi: Theo kinh Anh Lạc Sơ Thiền năm chi riêng lập mặc nhiên tâm thứ sáu làm định thế, vì sao chẳng đồng? Đáp: Là tạp luận, v.v... chỗ nói là nghĩa Sơ giáo, đồng với Tiểu thừa kia, nhân định bốn nhân mà định số xuất thế. Nay kinh Anh Lạc đồng nghĩa chung giáo đầy đủ y số tu minh cứ vào định vị thành xứ mà nói thì hai số khác nhau. Số này chung cho cả sắc thiên của Ba thừa và Tiểu thừa, nếu là Nhất thừa giáo y cứ thì thuộc về Nhất thừa. Lại ngoại phạm phu được định bị ngã mạn v.v... làm nhiễm. Thanh văn định thì ngã tập pháp chấp, v.v... làm nhiễm, sơ giáo xuất thế tâm thì phiền não, v.v... làm nhiễm. Chung giáo ba phiền não, v.v... tập khí làm nhiễm. Đốn giáo phương tiện thừa và rốt ráo Nhất thừa thì thanh tịnh vô nhiễm. Nên có thể y cứ theo mà biết. Nghĩa khác có nói rõ trong chương khác.

**Ba khổ, tám khổ:**

- Ba khổ là khổ khổ, hành khổ, hoại khổ.

Khổ là khổ thọ thế, khổ là ngoại khổ cụ, hoại là khổ duyên. Hoại khổ là khổ thọ thế. Hành là vô thường biến đổi chẳng dừng trụ nên gọi là Hành. Cũng là khổ thọ duyên. Hỏi: Vô thường hành chỉ là nghĩa vô thường, đâu được gọi là khổ? Đáp: Vô thường có hai nghĩa: Một là tự thế vô thường, hai là vô thường ép ngặt mình, nên gọi là khổ. Nghĩa khổ tuy đồng nhưng nhìn sự thô tế có khác, hoặc chẳng khác. Vì sao? Vì vô thường ép ngặt mình ở trong quán xúc nhỏ khổ lớn.

- Tám khổ là khổ sinh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ yêu thương mà phải lìa nhau, khổ oán ghét mà luôn gặp nhau, khổ cầu chẳng được, khổ năm ấm thạnh. Khổ năm ấm thạnh có hai nghĩa: Một là gồm bảy khổ trước chung làm năm ấm thạnh, hai là các khổ thô trọng gọi là năm ấm thạnh. Tám khổ y cứ sự chẳng đồng. Khổ thế chẳng khác ba khổ. Hai khổ kia giáo hưng vốn vì nói vào pháp - nhân mà sinh tướng chán lìa tức thuộc khổ loại không có đạo lý. Nếu y vào bốn đế tức thuộc khổ đế. Vì sao? Vì Thánh giáo hưng khiến được đế, cho đến nghĩa khổ Thánh đế, cũng y cứ có thể biết. Sở dĩ biết được là vì nghĩa Đại thừa gồm thủy chung. Khổ này ở phạm phu là khổ loại, ở Thanh

vẫn là khổ đế, ở vị Bồ-tát Sơ giáo thì không gọi là khổ Thánh đế. Cho nên Kinh Duy-ma nói: Năm thọ ấm rộng suốt, không chẳng chỗ khởi là nghĩa khổ. Nếu y cứ Chung giáo thì khổ tức là chân như, tất cả pháp cũng như. Nếu y cứ Nhất thừa, nghĩa trước được Nhất thừa y cứ nên gọi là Nhất thừa, cũng là khổ loại, v.v... bốn nghĩa vào Nhân-đà-la sâu kín mà thành vô nghĩa. Các nghĩa khác có nói rõ trong chương khác.

Bốn vô lượng: Bốn vô lượng là Từ - Bi - Hỷ - Xả. Vô lượng duyên với ba nghĩa: Một là chúng sinh duyên, hai là pháp duyên, ba là vô duyên. Chúng sinh duyên, là duyên với chúng sinh mà khởi tâm từ. Pháp duyên, là duyên với các pháp như uẩn, v.v... mà khởi tâm từ. Vô duyên, là duyên với pháp vô ngã mà khởi từ. Hỷ, xả cũng như thế. Nghĩa này không có Ba thừa và Tiểu thừa, chỉ có chúng sinh duyên. Nhất thừa thì nghĩa đầy đủ. Vì sao? Vì duyên sinh vô tận. Nêu ra thể trí tánh của Tiểu thừa, v.v.... Sơ giáo dùng trí Hậu đắc làm thể, Chung giáo dùng như lý, như lượng trí làm thể. Vì sao? Vì trí vô phân biệt là thể của Bồ-tát, Nhất thừa là nghĩa vô tận, chỗ biết vô biên nên gọi là vô lượng. Các nghĩa khác có nói rõ trong chương khác.

Sáu thần thông: Sáu thần thông là: 1/ Thần túc; 2/ Thiên nhãn; 3/ Thiên nhĩ; 4/ Tha tâm; 5/ Túc mạng; 6/ Lậu tận. Thần túc, Thiên nhãn, Thiên nhĩ, Túc mạng bốn thứ này là Trí tánh, cũng gọi là sinh đắc. Tha tâm trí thông dùng pháp trí, tỷ trí, đạo trí, đẳng trí, tha tâm trí làm tánh. Lậu tận thông, nếu người được lậu tận dùng mười trí làm tánh. Nếu biết người khác lậu tận thì sáu trí làm tánh, tức là pháp trí, tỷ trí, tận trí, vô sinh trí, diệt trí, đẳng trí. Không bít lấp nên gọi là thông. Túc mạng, thiên nhãn là minh, chẳng phải thị hiện. Thần túc, tha tâm là thị hiện chẳng phải minh. Lậu tận thông vừa là minh vừa là thị hiện. Thiên nhãn thông không phải minh không phải thị hiện. Hỏi: Vì sao trong quả địa lại nói năm thông mà không nói sáu thông? Đáp: Vì thiền định thế gian thành thông không phải vô lậu. Nếu phạm phu thành năm thông bậc Thánh Tiểu thừa được sáu thông. Sơ giáo xuất thế đồng với Thanh văn vẫn nương trí Như thật, thể nó tức không, Chung giáo tức như, Đốn giáo cũng đồng. Các nghĩa như trên được Nhất thừa y cứ tức là Nhất thừa. Nếu y cứ theo Biệt giáo thì có mười không, như trong phẩm Ly thế gian nói. Các nghĩa khác có nói rõ trong chương khác.

### **ĐỊA THỨ BỐN: BA MƯƠI HAI TƯỚNG**

Ba mươi hai tướng Đại nhân là: 1/ Dưới lòng bàn chân bằng phẳng; 2/ Dưới lòng bàn chân có bánh xe ngàn cãm 3/ Gót chân đầy đặn; 4/

Xương mắt cá không lồi ra; 5/ Đùi dài như chân nai đầu đàn Y-ni-diên; 6/ Mã âm tàng; 7/ Ngón tay dài nhọn; 8/ Tay dài quá gối; 9/ Cùi chỏ tròn; 10/ Tay chân có màng mỏng trong suốt; 11/ Tay chân mềm mại; 12/ Bảy chỗ: hai tay, hai chân, hai vai, cổ đều đầy; 13/ Thân tròn đầy như cây Ni-câu-luật; 14/ Thân oai phong như sư tử; 15/ Thân có màu vàng; 16/ Các chỗ lõm đều tròn đầy; 17/ Da mềm mại (láng mịn); 18/ Bụi không dính; 19/ Lông trên thân màu xanh; 20/ Lông đều xoay về bên phải; 21/ Ánh sáng bao quanh thân chiếu xa một tầm; 22/ Trên cổ họng có mười một tướng: 1- Bốn mươi năng, 2- Răng đều và khít, 3- Răng trắng sạch, 4- Lưỡi rộng dài, 5- Thứ lớp được thượng vị, 6- Tiếng Phạm âm, 7- Má vuông như sư tử, 8- Mắt xanh biếc, 9- Mí mắt trên dưới như mắt trâu đầu đàn, 10- Giữa hai đầu chân mày có sợi lông trắng, 11- Có nhục kế (bướu thịt) trên đầu. Ba mươi hai tướng trên không có nhân nào khác, đều do giữ giới mà được. Vì sao? Nếu người phạm giới thì chẳng được thân người thấp hèn, huống là tướng đại nhân. Lại do nhân khác, như Kinh Cù-di Vấn chép: Ba mươi hai thông, phàm phu, Tiểu thừa, ba thừa, Nhất thừa có cạn sâu khác nhau. Phàm phu có người, Tiểu thừa không người, Sơ giáo tức không, Chung giáo tức như. Nhất thừa vô tận đủ Nhân-đà-la và vi tế, v.v... y Biệt giáo, tướng ấy như mười Liên hoa tạng trang nghiêm thế giới hải trần số các tướng... Các nghĩa khác có nói rộng trong chương khác.

Tám mươi vẻ đẹp: Tám mươi vẻ đẹp là: Tay chân hai mươi ngón, tám chỗ lõm ở tay chân đều bằng phẳng, hai mắt cá và ống chân, hai đầu gối, hai bắp đùi, Bì tàng tướng hai viên, hai hông, hai nách, hai vú, hai vai, hai cùi chỏ, hai cổ tay, eo lưng, tim, rún, cổ họng, bụng, v.v... đều đẹp. Đó gọi là dưới yết hầu có sáu mươi vẻ đẹp. Nói đùi về tức bên ngoài thì gọi là đùi, bên trong thì gọi là vế, Răng nanh trên dưới hai đoạn, hai môi, hai má, hai tóc, hai mắt, hai tai, hai mày, hai lỗ mũi, trán hai sừng. Đó gọi là trên cổ họng có hai mươi vẻ đẹp. Tất cả chúng sinh chứa nhóm phước đức thì một tướng lông là tất cả tướng lông, phước đức chứa nhóm một vẻ đẹp là tất cả vẻ đẹp, phước đức chứa nhóm thì tăng gấp trăm lần, cho đến trừ một tướng là sợi lông trắng và nhục kế còn tất cả các tướng đều tăng gấp ngàn lần, bèn được tướng sợi lông trắng, tức tướng thứ hai mươi chín gọi là tất cả tướng. Tướng bạch hào công đức tăng gấp trăm ngàn lần, bèn được tướng pháp âm của Như Lai, Như Lai tùy ý phát ra tiếng Phạm âm thanh tịnh. Cho đến mười phương thế gian các chủng tánh địa Bồ-tát thành hạt giống tướng tốt. Bồ-tát giải hạnh địa tu tập phương tiện, tịnh tâm địa Bồ-tát chứng được

các địa, Bồ-tát khác dần dần thanh tịnh hơn lên. Như Lai rất ráo trong sạch, không có tướng của thượng nhân nào chẳng có, các vị trời chỉ có một phần, Tiểu thừa thì thật đủ, Sơ giáo tức không, Chung giáo tức như, Nhất thừa vô lượng, đủ Nhân-đà-la vi tế. Các nghĩa khác có nói rõ trong chương khác.

### **ĐỊA THỨ NĂM: BẢY TỊNH :**

Bảy tịnh là: 1/ Giới tịnh; 2/ Định tịnh; 3/ Kiến tịnh; 4/ Độ nghi tịnh; 5/ Đạo phi đạo tịnh. Năm thứ này Đại Tiểu thừa đồng tin, hai thứ sau. Tiểu thừa gọi là: 1- Hạnh tịnh; 2- Hạnh đoạn tịnh. Vì tông thứ đã diệt nên sau nói là Hạnh đoạn tịnh. Còn Đại thừa thì gọi hai thứ sau là: 1- Hạnh đoạn; 2- Tư lương Bồ-đề phần pháp thượng thượng tịnh. Vì tông này y theo Hạnh đoạn ấy mà khởi cầu thượng thắng vị được nương, nếu y cứ theo Tiểu thừa thì giới và định kiến đạo tiền, kế là ba kiến đạo, kế là một tu đạo, kế là một vô học đạo. Đại Thuận luận ba vị: Hạnh đoạn và hạnh ở tu đạo, các thứ khác đều đồng với trước. Tịnh là phần thắng ly cấu nên gọi là Tịnh. Nghĩa này chung cho ba thừa và Tiểu thừa. Nếu được Nhất thừa y cứ thì tức thuộc Nhất thừa. Nhất thừa thanh tịnh có mười thứ. Như phẩm Ly Thế Gian đã nói. Sở dĩ mười là muốn hiển bày vô lượng. Các nghĩa khác có nói rõ trong chương khác.

Mười đế - Mười đế là: Bồ-tát biết như thật về khổ Thánh đế, Khổ tập đế, Khổ diệt đế, như thật biết cho đến Đạo Thánh đế diệt khổ. Bồ-tát khéo biết thế đế, khéo biết nghĩa đế Đệ nhất, khéo biết tướng đế, khéo biết sai biệt đế, khéo biết nói thành đế, khéo biết sự đế, khéo biết sinh đế, khéo biết hết vô sinh trí đế, khéo biết khiến vào đạo trí đế, khéo biết tất cả biết địa thứ lớp thành tựu đế, và khéo biết tập Như Lai trí đế. Là Bồ-tát tùy ý chúng sinh khiến vui mừng khéo biết thế đế thông suốt tất cả pháp một tướng, khéo biết nghĩa đế Đệ nhất. Biết pháp tự tướng đồng tướng là khéo biết tướng đế. Biết pháp khác nhau là khéo biết sai khác. Biết phân biệt ấm giới nhập là khéo nói thành đế. Biết thân tâm khổ não là khéo biết sự đế. Biết các đạo sinh tiếp nối là khéo biết sinh đế. Rất ráo dứt bỏ tất cả nóng bức là khéo biết hết vô sinh trí đế. Khởi hạnh chẳng hai là khéo biết nhập đạo trí đế. Chánh biết tất cả Pháp tướng là khéo biết tất cả Bồ-tát địa thứ lớp thành tựu đế và là khéo biết Tập Như Lai trí đế. Do năng lực tín hiểu mà biết không phải được trí Nhất thiết rất ráo mười biết. Hỏi: Mười đế này chung cho cả ba thừa chăng? Đáp: Mười đế của Hoa Nghiêm tức là mười đế Nhất thừa của Anh Lạc, tức là ba thừa. Vì sao? Vì tùy giáo mà định. Các nghĩa khác như

Sơ luận đã giải thích rộng.

### **ĐỊA THỨ SÁU: NÓI VỀ DUYÊN SINH**

Duyên sinh nói lược có mười môn đó là nhân duyên có phân thứ lớp thuộc về một tâm, vì tự nghiệp thành, vì chẳng lìa bỏ nhau, vì ba đường chẳng dứt, vì quán bờ mé trước sau, vì ba khổ tập, vì nhân duyên sinh vì nhân duyên sinh, diệt ràng buộc, vì thuận theo hữu tận quán. Như thế mười phen, nghĩa mười hai nhân duyên thuộc về Nhất thừa, Anh Lạc mười phen nhân duyên nghĩa thuộc về Tam thừa. Vì sao? Vì tùy giáo khác nhau. Các nghĩa khác như Sơ Luận và chương khác có giải thích.

Ba không môn (cũng gọi là ba tam-muội):

- Ba không môn là: 1/ Không; 2/ Vô tướng; 3/ Vô nguyện. Y cứ vào cảnh làm môn, y cứ vào năng mà quán trí, tức là ba Tam-muội. Nghĩa này chung cho cả ba thừa và Tiểu thừa. Nếu là Nhất thừa giáo y cứ thì tức là vào Nhất thừa. Các nghĩa có nói rõ trong chương khác.

Tam-muội Trùng không: Tam-muội Trùng không tức là Tam-muội không không, Tam-muội vô tướng vô tướng, tam-muội vô nguyện Vô nguyện. Dùng hữu lậu không hạnh mà quán vô lậu không hạnh nên gọi là không không, dùng hữu lậu vô tướng hạnh mà quán vô lậu, vô tướng hạnh, nên gọi là vô tướng vô tướng. Dùng hữu lậu vô nguyện hạnh mà quán vô lậu vô nguyện hạnh. Nghĩa này thuộc về Tiểu thừa, nếu là Nhất thừa y cứ thì thuộc Nhất thừa, nếu được Ba thừa y cứ hen thì thuộc ba thừa. Các nghĩa khác có nói rõ trong chương khác.

- Hai không nhân, pháp: Nghĩa là nhân không và pháp không. Không có chỗ chấp nhân ngã để hiển bày chân như nên gọi là nhân không, không có chỗ chấp pháp ngã để hiển bày chân như nên gọi là pháp không. Nhân không thì thông Tiểu thừa mà chưa thanh tịnh, đến Ba thừa mới thanh tịnh. Pháp không thì ở Ba thừa mà chưa thanh tịnh, đến Nhất thừa nói rốt ráo thanh tịnh. Các nghĩa khác có nói rõ trong chương khác.

### **ĐỊA THỨ BẢY: NÓI NGHĨA BỐN NHÀ (TÔNG):**

Bốn nhà là: 1/ Nhà Bát-nhã gia; 2/ Đế gia; 3/ Nhà xả phiến não; 4/ Nhà khổ thanh tịnh. Thuộc về chỗ ở thì gọi là gia (nhà). Gia là nhà cửa, ở trong Thất địa thành tựu Trường thời đạo phẩm, các chương đều thanh tịnh. Rốt ráo sau cùng có công dụng vô tướng, lại có khả năng thành nghĩa vô công dụng vô tướng nên gọi là Nhà. Nghĩa này ở Ba thừa, nếu

Nhất thừa y cứ thì thuộc Nhất thừa. Nhà Bát-nhã là thật tánh Bát-nhã. Nhà Đế là tánh thật nên gọi là Đế. Nhà xả phiền não là tự tánh thanh tịnh không có phiền não. Nhà khổ thanh tịnh là tánh khổ là không, đó gọi là khổ thanh tịnh. Các nghĩa khác có nói rõ trong chương khác.

### **ĐỊA THỨ TÁM: NÓI VỀ BỐN THỨ VÔ SINH NHÃN:**

Một là Sự vô sinh, hai là Tự tánh vô sinh, ba là số sai biệt vô sinh, bốn là tác nghiệp sai biệt vô sinh. Bốn vô sinh này rộng như luận giải thích. Sự vô sinh là đối với đạo Ba thừa mà gia hạnh hiểu pháp như thật. Tự tánh vô sinh là đối với Ba thừa chánh thể trí quán chẳng hai bình đẳng bình đẳng thành tựu. Số sai biệt vô sinh nghĩa là đối với ba thừa phân biệt giới hạn pháp tướng tức không, chẳng phân biệt. Tác nghiệp sai biệt vô sinh là đối với Ba thừa làm Phật thành tựu, cũng như trống trời vô tư thành việc, rốt ráo không phân biệt tạm nhờ nơi Bát địa mà thành. Nếu nghĩa Nhất thừa, Thập Tín địa kiến văn chung tâm thành giải hạnh. Thập tín chung tâm thẳng tấn hưởng Thập giải được chứng rốt ráo. Các nghĩa khác có nói rõ trong chương khác.

- Ba thế gian: Ba thế gian là đối với thanh tịnh cõi nước Phật có ba hạnh tự tại: Một là Khí thế gian tự tại hạnh, hai là Chúng sinh thế gian tự tại hạnh, ba là Trí Chánh giác thế gian tự tại hạnh. 1/ Khí thế gian tự tại hạnh có năm thứ tự tại: Một là tùy tâm ưa thích nó có thể hiện và không hiện; hai là tùy muốn gì thì nó liền hiện; ba là hễ lúc nào muốn thì hiện liền hiện; bốn là tùy nuôi rộng hẹp thì liền hiện; năm là tùy tâm muốn bao nhiêu thì nó liền hiện, nên gọi là Khí thế gian tự tại. 2/ Chúng sinh thế gian tự tại hạnh là: Bồ-tát tùy chúng sinh tín khác nhau, tùy quyết định tín khác nhau, thì tuy trong các cõi nước Phật, trong các đại hội, như thế như thế mà thân mình hiện ra là Bồ-tát. Nếu trong chúng Sa-môn thì hiện ra thân Sa-môn, như thế, v.v... trong các cõi nước như thế thân mình khác nhau hiện ra. 3/ Trí Chánh giác thế gian tự tại hạnh: là trí Đệ nhất nghĩa đế, trí thế đế v.v... Kinh nói là: Bồ-tát ấy xa lìa tất cả thân tướng phân biệt mà được thân bình đẳng. Bồ-tát ấy biết thân chúng sinh, biết thân cõi nước, biết thân nghiệp báo, biết thân Thanh văn, biết thân Bích-chi-phật, biết thân Bồ-tát, biết thân Như Lai, biết trí thân, biết pháp thân, biết thân hư không. Bồ-tát ấy biết thân tâm chúng sinh như thế khởi ý ưa thích. Nếu dùng thân chúng sinh làm thân mình hoặc đem thân mình làm thân chúng sinh. Chín thân như thế Bồ-tát ấy biết chúng sinh thâm tâm khởi tin ưa xoay vẫn tự tại mà thành rộng lớn, như Địa Luận chép: Nghĩa này đều thấy nghe trong Nhất thừa, Ba thừa,



Tiểu thừa và trong trời, người. Các nghĩa khác có nói rõ trong chương khác.

Mười tự tại - Mười tự tại gồm: 1/ Mạng tự tại, là sống lâu với số kiếp không thể nói không thể nói; 2/ Tâm tự tại: là có vô lượng A-tăng-kỳ tam-muội nhập trí; 3/ Đắc vật tự tại: là trụ trì thị hiện được vô lượng trang nghiêm nghiêm sức trong tất cả thế giới; 4/ Được nghiệp tự tại, như Trụ trì thị hiện nghiệp báo đời này và đời sau; 5/ Được sinh tự tại: là thị hiện sinh về tất cả thế giới; 6/ Được nguyện tự tại, là tùy tâm khi muốn cõi Phật thì thị hiện thành Bồ-đề; 7/ Được tin hiểu tự tại là Phật hiện đầy khắp trong tất cả thế giới; 8/ Được như ý tự tại, là trong tất cả cõi nước Phật thì như ý làm việc thị hiện; 9/ Được pháp tự tại, là trong vô biên pháp môn thị hiện chỉ bày; 10/ Được trí tự tại, Như Lai lực vô úy bất cộng pháp tướng bảo trang nghiêm Tam-bồ-đề thị hiện. Nghĩa này ở quả đức nhờ hiển nghĩa Bát địa tự tại. Nghĩa này chung cả Ba thừa, Nhất thừa nói rất ráo. Vì sao? Vì tự tại vô biên. Các nghĩa còn lại có nói rõ trong chương khác.

Mười Bồ úy (sợ hãi) là: 1/ Sợ chết; 2/ Sợ phiền não cấu; 3/ Sợ nghèo cùng; 4/ Sợ nghiệp ác; 5/ Sợ đường ác; 6/ Sợ cầu mong chẳng được; 7/ Sợ tội nghiệp chê bai chánh pháp; 8/ Sợ khi truy cầu thì bị buộc ràng không tự do thoải mái; 9/ Sợ nghi vì sao; 10/ Sợ oai đức đại chúng. Mười sợ sệt này đồng với chỗ lìa bỏ của Sơ địa. Năm sợ sệt sơ địa đã dứt, nay nêu ra là muốn nói lên chánh pháp Bát địa không phải nói Bát địa có sợ sệt như thế. Các nghĩa còn lại có nói rõ trong chương khác.

### **ĐỊA THỨ CHÍN: MƯỜI MỘT TRỪ LÂM:**

Gồm có: 1/ Chúng sinh tâm hạnh trừ lâm; 2/ Phiền não hạnh trừ lâm; 3/ Nghiệp hạnh trừ lâm; 4/ Căn hạnh trừ lâm; 5/ Tín hạnh trừ lâm; 6/ Tánh hạnh trừ lâm; 7/ Thâm tâm hạnh trừ lâm; 8/ Sử hạnh trừ lâm; 9/ Sinh hạnh trừ lâm; 10/ Tập khí hạnh trừ lâm; 11/ Ba nhóm sai biệt hạnh trừ lâm. Một câu đầu là chung, mười câu sau là riêng. Sở dĩ câu đầu là tâm hành, vì các thứ tâm là nghĩa, mười thứ kia là tướng, nghĩa các thứ tâm lại không khác nhau. Vì sao? Vì do đủ nghĩa sáu tướng. Nghĩa này có thấy nghe trong Nhất thừa, Ba thừa, Tiểu thừa và trời, người. Các nghĩa khác có nói rõ trong chương khác.

#### ***Tám mươi bốn ngàn pháp môn:***

Tám vạn bốn ngàn là theo kinh Phổ Diệu khi Như Lai thành đạo có ba trăm năm mươi độ công đức từ quang diệu đầu vô cực độ cho đến phân bố xá-lợi độ, lấy sáu Ba-la-mật mà thừa thành hai ngàn một trăm

độ, dùng bốn đại sáu suy mười pháp mà thừa thì thành hai mươi một ngàn. Nếu y theo Nhiếp Luận lấy bốn đế, mười sử làm thừa cũng được, lấy bốn pháp tham, sân, si và Đẳng phần mà thừa thì thành tám mươi bốn ngàn đại số môn như thế, ở trong đó pháp hạnh căn dục tánh bệnh, v.v... y cứ theo đây mà biết. Nếu Tiểu thừa y theo môn như thật, còn Ba thừa sợ giáo nghĩa thì không, nếu y cứ Chung giáo thì nghĩa tức như. Nếu theo chỗ Viên giáo y cứ thì thuộc về Nhất thừa. Nếu y vào mười môn thì thuộc về Biệt giáo. Các nghĩa còn lại có nói rõ trong chương khác.

***Phiền não hạnh, sử hạnh trừ lâm:***

Phiền não hạnh, v.v..., Nhất thừa lược chia hai nghĩa: Một là y cứ theo vị mà hiển bày phiền não, hai là y cứ nghĩa dụng mà hiển bày phiền não. Hai nghĩa này y cứ ba thừa mà hiển bày, các tông khác y cứ theo đây mà biết. 1/ Y cứ vị là chỉ y cứ mười địa trong các giáo hiển đoạn giới hạn thô tế, tức thuộc về chung giáo. Như Địa Luận nói ba địa, tất cả dục trói buộc lại mỏng yếu, tất cả sắc phược, tất cả hữu phược, tất cả vô minh phược đều mỏng yếu. Các kiến phược, thì trước đã dứt trừ. Thích Luận giải thích rằng: Tất cả dục phược thành yếu mỏng, là dứt tất cả tu đạo cõi dục, Sắc, Vô sắc có các phiền não và nhân đó đồng vô minh tập khí đều yếu mỏng xả bỏ. Còn kiến phược thì ở Sơ địa kiến đạo đã dứt đoạn. Hai là trong kinh luận y cứ kiến tu và Chín địa, Mười một địa v.v... Nói dứt hoặc chẳng đồng và thô tế là đều thuộc về sơ giáo như Bách Luận quyển mười đã nói, phân biệt ngã kiến kiến đạo đoạn, chỉ sinh ngã kiến tu đạo đoạn, như Nhiếp Luận của Vô Tánh chép: Chuyển nhiệm ô Mạt-na được (thành) bình đẳng tánh trí, khi mới hiện quán trước đã chứng đắc. Ở trong vị tu đạo lại càng thanh tịnh... các văn như thế đều thuộc về sơ giáo. Bách Luận nói: Câu sinh hoặc tu, hoặc tu đạo đoạn, đây là đem phiền não nhờ hiển bày kiến tu như da thịt tìm ba phiền não. A-tăng-kỳ đầu thì dứt bỏ phần da, A-tăng-kỳ hai dứt bỏ phần thịt, v.v... nghĩa ấy so sánh thì đồng. Nếu trong kinh luận y theo vị mười địa mà hiển bày, biệt vô minh chẳng luận thô tế thì như mười một vô minh và hai mươi hai vô minh đều đối với sơ giáo trực tiến giáo nhiếp. Vì sao? Vì thuận theo mười địa chung tâm dứt nhanh các hoặc. 2/ Là y cứ dụng nghĩa mà hiển bày phiền não. Chia phiền não thành hai môn: Một là khác môn Tiểu thừa, hai là đồng môn Tiểu thừa. Đồng Tiểu thừa lại chia làm hai: Một là đại hoặc, tức là đủ năm nghĩa kiết, phược, sử, cấu, triền gọi là đại hoặc. Kết là chín kết: 1/ Ái kết; 2/ Nhuế kết; 3/ Mạn kết; 4/ Vô minh kết; 5/ Kiến kết; 6/ Thủ kết; 7/ Nghi kết; 8/ Tật kết; 9/

San kết. Khó khó cõi bỏ là nghĩa kết. Lại có năm kết là: 1/ Ái kết; 2/ Nhuế kết; 3/ Mạn kết; 4/ Tật kết; 5/ San kết. Tham ba cõi là ái kết, mạn ba cõi là mạn kết, ba cái kia chỉ hệ ở cõi Dục là nghĩa kết. Lại có năm kết, là ba hạ phần kết, tức là ái kết, nhuế kết, thân kiến kết, giới thủ kết và nghi kết. Hai thứ đầu là giới hạ, cái thứ ba là chúng sinh hạ, gọi là hạ phần kết. Giới hạ tức là cõi Dục, chúng sinh hạ tức là phàm phu. Lại có năm kết, là năm thượng phần kết, tức là sắc ái kết, vô sắc ái kết, trạo kết, mạn kết và vô minh kết. Sắc giới tu đạo dứt tham gọi là sắc ái. Vô sắc ái cũng như thế. Sắc vô sắc tu đạo thì dứt trạo, mạn, vô minh tức là ba kết. Năm thứ này dắt dẫn chúng sinh thú thượng, chẳng theo hạ nên gọi là thượng phần. Lại là chỗ bậc Thánh thực hành, không phải phàm phu thực hành. Trong bậc Thánh là A-hàm thực hành, không phải hai quả dưới thực hành, nên gọi là thượng phần. Lại có bốn kết, là tham tật kết, sân nhuế kết, giới thủ kết, và kiến thủ kết. Lại có ba kết, tức là thân kiến giới thủ, nghi phược; Có bốn phược: 1/ Tham dục thân phược; 2/ Sân nhuế thân phược; 3/ Giới thủ thân phược; 4/ Kiến thủ thân phược. Tham ô cõi Dục gọi là tham phược, sân gọi là thân phược, giới thủ ba cõi gọi là giới thủ phược. Kiến thủ ba cõi gọi là kiến thủ phược. Năm ấm gọi là thân là bốn yếu, phải thân khẩu thành nên gọi là thân phược. Phược là nghĩa không tự tại. Lại có ba phược, đó là tham phược, sân phược, si phược. Sử, có bốn môn: Một là bảy sử tức là dục ái sử, nhuế sử, hữu ái sử, mạn sử, vô minh sử, kiến sử, nghi sử. Thường theo thân sai khiến nên gọi là sử; Hai là mười sử là: 1/ Thân kiến, 2/ Biên kiến, 3/ Tà kiến, 4/ Giới thủ, 5/ Kiến thủ, 6/ Tham, 7/ Sân, 8/ Mạn, 9/ Nghi, 10/ Vô minh; Ba là chín mươi tám sử, tức cõi Dục có ba mươi sáu, là khổ hạ có mười, về tập có bảy, tức là tà kiến, kiến thủ, tham, nhuế, mạn nghi, vô minh. Diệt hạ cũng có bảy, cũng như nói về tập. Về đạo có tám, tức là tà kiến, kiến thủ, giới thủ, tham nhuế, mạn, nghi, vô minh. Tu đạo có bốn, tức là tham nhuế, mạn, vô minh. Cõi Sắc có ba mươi một, về khổ có chín, trừ sân, các thứ kia như đã nói ở cõi Dục. Tập diệt đều có sáu, về đạo có bảy, tu đạo có ba, đều trừ sân, các thứ khác như đã nói ở cõi Dục. Vô sắc có ba mươi một như đã nói về sắc; Bốn là một trăm chín mươi sáu sử. Cấu có sáu là: cống, siễm, kiêu, nã, hận, hại. Ưế tâm nên gọi là cấu triền có mười là vô tâm, vô quý, thù, hối, san, tật, trạo, miên, phần, phú. Triền là buộc ràng nhiều. Lại có tám triền, tức là hôn trầm, thù miên, trạo cử, ác tác, tật, san, vô tâm vô quý, thường tăng mạnh triền nhiều ở tâm, nên gọi là triền. Từ trên giải thích kết, v.v... năm nghĩa đó là nghĩa đại hoặc (hoặc lớn), nếu không đủ năm nghĩa

trên thì gọi là tiểu phiến não. Hỏi: trên đủ năm nghĩa gọi là Sử. Cứ theo nghĩa sử thì tức đã thành, vì sao ở trên nói nghĩa sử được xếp vào năm nghĩa là năng thành? Đáp: Gồm hai nghĩa: Một là nghĩa sử (sai khiến), hai là nghĩa thô trọng. Do có nghĩa sử mà xếp vào nghĩa năng thành. Do nghĩa thô trọng mà xếp vào sử thành. Lại phiến não lưu loại riêng, có hai mươi chín môn: Một là ba lậu, tức là dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Phiến não cõi Dục trừ vô minh là dục lậu, thượng giới phiến não, trừ vô minh là hữu lậu. Vô minh ba cõi là vô minh lậu. Ba thứ này luôn rót vào chẳng dứt nên gọi là lậu; Hai là bốn đảo, đó là thường, lạc, ngã, tịnh, bốn thứ này chẳng thuận chánh lý nên gọi là Đảo; Ba là bốn lưu, tức là: Dục lưu, Hữu lưu, Kiến lưu, và Vô minh lưu. Cõi Dục phiến não trừ kiến, vô minh thì gọi là dục lưu. Phiến não Thượng giới trừ kiến, vô minh gọi là hữu lưu. Kiến ba cõi gọi là kiến lưu. Vô minh ba cõi gọi là vô minh lưu. Bốn thứ này thường có nên gọi là lưu; Bốn là bốn thủ tức là dục thủ, kiến thủ, giới thủ, ngã ngữ thủ. Phiến não cõi Dục trừ kiến thì gọi là dục thủ. Bốn kiến của ba cõi thì gọi là kiến thủ. Giới thủ ba cõi thì gọi là giới thủ. Phiến não Thượng giới trừ kiến gọi là ngã ngữ thủ. Vì vô ngã nên chỉ lấy ngữ gọi là ngã ngữ thủ. Chấp thành làm hại là nghĩa thủ; Năm là năm cái, tức là tham cái, sân cái, thùy miên cái, trạo hối cái, và nghi cái. Năm thứ này chỉ ở cõi Dục ngăn che ba học nên gọi là Cái. Tham dục, sân nhuế làm che giới phẩm. Trạo hối làm che định phẩm, thùy miên che lấp tuệ phẩm, nghi che lấp ba phẩm; Sáu là năm kiến, tức là: thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới thủ, đủ bốn nghĩa sau thì gọi là kiến: Một là hay quán, hai là chuyển làm, ba là chấp giữ chặt, bốn là trong duyên mạnh mẽ; Bảy là năm san, rút từ Luận Thành Thật, là trụ xứ san, gia san, thí san, xưng tán san, pháp san Tiếc rẽ thì gọi là San; Tám là năm tâm tiệt. Tiệt nghĩa là nghi Phật nghi Pháp, nghi Tăng, nghi giới, nghi giáo hóa. Ác khẩu dèm pha bại hoại tâm ấy chẳng thành gốc lành nên gọi là Tiệt; Chín là sáu ái từ Tỳ-đàm tức nhãn xúc (mắt chạm) sinh ái, tai, mũi, lưỡi, thân ý, v.v... xúc sinh ái; Mười là bảy lưu, tức là kiến đế sở diệt lưu, tu đạo sở diệt lưu, viễn ly sở diệt lưu, số sự sở diệt lưu, xả sở diệt lưu và hộ sở diệt lưu, chế phục sở diệt lưu; Mười một là bốn ách tức là dục ách, hữu ách, kiến ách, vô minh ách; Mười hai là tám mạn, tức là mạn, đại mạn, mạn mạn, ngã mạn, tăng thượng mạn, bất như mạn, tà mạn, ngạo mạn. Ở thấp mà tự cho là cao gọi là Mạn, bằng cho là bằng cũng gọi là mạn, bằng mà tự cho là cao gọi là Đại mạn, hơn mà tự cao gọi là mạn mạn, năm ấm các chỗ gọi là Ngã mạn. Người rất hơn mà cho là hơn ít gọi là bất như mạn, không có

đức mà tự cao gọi là Tà mạn, lại vì ác pháp mà tự cao cũng gọi là tà mạn. Ở người thiện và người tôn quý mà không chịu kính lễ gọi là ngạo mạn; Mười ba là sáu mươi hai kiến, tức là sắc ấm mà khởi mười hai kiến là thường, vô thường, vừa thường vừa vô thường, chẳng phải thường chẳng phải vô thường, có biên, không biên, vừa có biên vừa vô biên, chẳng phải có biên chẳng phải vô biên. Như Lai diệt rồi, như khứ, như bất khứ, vừa như khứ vừa chẳng như khứ, chẳng phải như khứ chẳng phải chẳng như khứ. Sắc ấm có mười hai câu, và thọ, tưởng, hành, thức cũng có mười hai. Cộng lại thành sáu mươi, thêm vào thân là mạng và thân khác mạng là sáu mươi hai, cũng có thể thêm hai kiến đoạn - thường; Mười bốn là tám thứ giác, tức là: 1/ Dục giác, 2/ Sân giác, 3/ Não giác, 4/ Thân lý giác, 5/ Quốc độ giác, 6/ Bất tử giác, 7/ Lợi tha giác, 8/ khinh tha giác. Nếu theo kinh Địa Trì thì cái thứ bảy gọi là khinh mạn giác, thứ tám là tột tánh giác; Mười lăm là một trăm lẻ tám phiền não, tức là chín mươi tám sử thêm vào mười triền thì gọi là một trăm lẻ tám phiền não; Mười sáu là bất thiện căn là tham, sân, si; Mười bảy là ba ngọt tức là tham, sân, si; Mười tám là ba cấu tức là tham sân si; Mười chín ba nhiễm hại tức là tham, sân, si; Hai mươi là ba tiền (mũi tên) tức là tham, sân, si; Hai mươi một là ba sở hữu, tức là tham, sân, si; Hai mươi hai là ba hạnh ác, tức là tham, sân, si; Hai mươi ba là ba quỉ, tức là tham, sân, si; Hai mươi bốn là ba nhiệt, tức là tham, sân, si; Hai mươi lăm là ba phiền não, tức là tham, sân, si; Hai mươi sáu là ba tranh, tức là tham, sân, si; Hai mươi bảy là ba xí nhiên, tức là tham, sân, si; Hai mươi tám là ba trừ lâm, tức là tham, sân, si; Hai mươi chín là ba câu ngại, tức là tham, sân, si; Hai mươi. Lại các phiền não tạp nhiễm này hoặc hiện hành, hoặc duyên, hoặc tùy miên, hoặc cảnh sở duyên, hoặc thô trọng phải biết đều có hai mươi tướng. Phiền não hiện hành có hai mươi thứ: Một là tùy chỗ dục triền hiện hành, nghĩa là tại gia; hai là chẳng tùy chỗ dục triền hiện hành, nghĩa là xuất gia; ba là không hề rõ biết, tức là ở chỗ xấu ác mà nói pháp; bốn là có rõ biết, tức là ở chỗ tốt mà nói pháp; năm là tăng thượng lẫn nhau, tức là các hạnh tham v.v...; sáu là đều bình đẳng, tức là đẳng phần hạnh; bảy là vi bạc (yếu mỏng), tức là bạc trần hạnh; tám là ngoại môn triền hiện hành, nghĩa là lia hẳn dục; chín là nội môn triền hiện hành tức là do đạo thế gian mà lia dục; mười là tăng thượng triền hiện hành, tức là các dị sinh; mười một là thất niệm triền hiện hành, tức là các hữu học; mười hai là phân biệt triền hiện hành, tức là chấp trước bền chặt; mười ba là câu sinh triền hiện hành, tức là chẳng chấp trước bền chặt; mười bốn là quán sát hiện hành,

tức là vui mừng quán sát; mười lăm là bất tự tại hiện hành, tức là ngủ nghỉ; mười sáu là tự tại hiện hành, tức là giác ngộ; mười bảy là bất khả cứu hiện hành, tức là không có pháp nước; Mười tám là khả cứu hiện hành, tức có pháp Niết-bàn; mười chín là thủ tướng hiện hành, tức là tâm tư tùy pháp mà chấp lấy tướng mạo; hai mươi là bất thủ tướng hiện hành, tức chẳng tâm tư, tùy pháp mà chẳng chấp lấy tướng mạo. Duyên phiền não có hai mươi thứ là: 1/ Vui; 2/ Khổ; 3/ Chẳng vui chẳng khổ; 4/ Dục; 5/ Tầm; 6/ Xúc; 7/ Thói quen cũ; 8/ Phiền não; 9/ Chẳng gần bạn lành; 10/ Chẳng nghe chánh pháp; 11/ Chẳng tác ý đúng lý; 12/ Chẳng tin; 13/ Lười biếng; 14/ Thất niệm; 15/ Tán loạn; 16/ Bất chánh tri; 17/ Buông lung phiền não; 18/ Dị sinh tánh; 19/ Ly dục; 20/ Do thọ sinh phiền não. Tùy miên có hai mươi thứ: 1/ Bất định địa tùy miên; 2/ Định địa tùy miên; 3/ Tùy tự cảnh tùy miên; 4/ Tùy tha cảnh tùy miên; 5/ Bị tổn tùy miên; 6/ Vị bị tổn tùy miên; 7/ Tùy thuận tùy miên; 8/ Bất tùy thuận tùy miên; 9/ Cụ mãn tùy miên; 10/ Khuyết giảm tùy miên; 11/ Khả hại tùy miên; 12/ Bất khả hại tùy miên; 13/ Tăng thượng tùy miên; 14/ Bình đẳng tùy miên; 15/ Vi bạt tùy miên; 16/ Hữu giác tùy miên; 17/ Vô giác tùy miên; 18/ Sinh nhiều khổ tùy miên; 19/ Sinh ít khổ tùy miên; 20/ Chẳng sinh khổ tùy miên. Cảnh sở duyên phiền não có hai mươi thứ: 1/ Cảnh duyên có sự; 2/ Cảnh duyên không có sự; 3/ Cảnh duyên tự tướng; 4/ Cảnh duyên cộng tướng; 5/ Cảnh duyên hiện kiến; 6/ Cảnh duyên không hiện kiến; 7/ Cảnh duyên môn ngoài; 8/ Cảnh duyên môn trong; 9/ Cảnh duyên tự loại phiền não; 10/ Cảnh duyên tha loại phiền não; 11/ Duyên tự cảnh; 12/ Duyên tha cảnh; 13/ Duyên không cảnh; 14/ Duyên cảnh hữu lậu; 15/ Duyên cảnh vô lậu; 16/ Duyên cảnh hữu vi; 17/ / Duyên cảnh vô vi; 18/ Duyên cảnh tự tâm phân biệt; 19/ Duyên cảnh ức niệm phân biệt; 20/ Duyên cảnh sự tướng. Thọ trọng có hai mươi thứ: 1/ Tánh báo thọ trọng; 2/ Tánh phiền não thọ trọng; 3/ Tánh nghiệp thọ trọng; 4/ Phiền não chướng thọ trọng; 5/ Sở tri chướng thọ trọng; 6/ Định chướng thọ trọng; 7/ Nghiệp chướng thọ trọng; 8/ Báo chướng thọ trọng; 9/ Thiện chướng thọ trọng; 10/ Bất chánh tâm tư thọ trọng; 11/ Sầu não thọ trọng; 12/ Bố úy thọ trọng; 13/ Lao nguyện thọ trọng; 14/ Thực thọ trọng; 16/ Dâm dục thọ trọng; 17/ Đại chủng quái dị thọ trọng; 18/ Thời phần biến dị thọ trọng; 19/ Tử thọ trọng; 20/ Biến hạnh thọ trọng. Lại lược nói biết rõ phiền não do năm tướng tức là: Tự thể tướng, nhân tướng, phẩm loại tướng, ở cảnh tâm loạn tướng, quả tướng.

Như trên nói các sử và phiền não, v.v... cùng Tiểu thừa tên đồng,

mà nghĩa khác. Nếu pháp Tiểu thừa như chỗ gọi thật đem làm có thể, nếu Đại thừa Sơ giáo thì tự tánh tức không, chỉ có tên dùng. Đó gọi là sử và phiền não. 2. Khác môn Tiểu thừa, có hai môn là vô minh chỉ ở trực tiến giáo mà xếp vào Vị môn: Một là mười vô minh, nghĩa là phạm phu xưa tánh vô minh; hai là y nghiệp, v.v... đối với các chúng sinh mà khởi tà hạnh vô minh; ba là tâm trì (chậm) như vô minh, văn tư tu quên mất vô minh; bốn là vi tế phiền não hạnh cộng sinh thân kiến, v.v... vô minh; năm là hạ thừa bát Niết-bàn vô minh; sáu là thô tướng hạnh vô minh; bảy là vi tế tướng vô minh; tám là đối với tướng làm công dụng tâm vô minh; chín là ở chúng sinh việc lợi ích chẳng dụng công dụng tâm (dùng bất dụng công) vô minh; mười là ở trong chúng sinh chẳng được tự tại vô minh. Đều là tâm mê chẳng hiểu nên gọi là Vô minh. 2/ Có hai mươi hai vô minh: Một là pháp ngã phân biệt vô minh; hai là Ác đạo nghiệp vô minh; ba là Vi tế phạm quả vô minh; bốn là Các thứ tướng nghiệp hạnh vô minh; năm là Dục ái vô minh; sáu là Cự túc văn trì Đà-la-ni vô minh; bảy là Tam-ma-bạt-đề ái vô minh; tám là Hành pháp ái vô minh; chín là Sinh tử Niết-bàn một hướng bối thủ tư duy vô minh; mười là Phương tiện sở nhiếp tu tập đạo phẩm vô minh; Mười một là Chứng chư hành pháp sinh khởi tướng tục vô minh; mười hai là Tướng tướng sắc khởi vô minh; mười ba là Vi tế tướng hạnh khởi vô minh; mười bốn là Một hướng vô tướng tư duy phương tiện vô minh; mười lăm là Vi vô tướng quán tác công dụng vô minh; mười sáu là Tướng hạnh tự tại vô minh; mười bảy là Vô lượng chánh thuyết pháp vô lượng đánh cú vị nạn đáp xảo ngôn tự tại Đà-la-ni vô minh; mười tám là Y bốn vô ngại giải quyết định sinh giải vô minh; mười chín là Sáu phần thông tuệ vô minh; hai mươi là Nhập vi tế bí mật Phật pháp vô minh; hai mươi một là Ư Nhất thiết ứng tri cảnh vi tế trước vô minh; hai mươi hai là Ư Nhất thiết ứng tri cảnh vi tế ngại vô minh. Hai môn phiền não này hạn cục ở Sơ giáo trực tiến môn. Sở dĩ biết được, là do hai môn phiền não này ở khắp mười địa, bất luận sử tập thô tế khác nhau. Phải biết thuận theo mười địa, cuối cùng tâm mau dứt hoặc.

- *Lại y theo chung giáo phiền não có mười sáu môn:* 1/ Có hai vô minh tức là phiền não chướng và trí chướng; 2/ Lại có hai vô minh tức là hai chướng hoặc - trí; 3/ Có ba chướng tức là Bì - Nhục - Tâm, ba chướng cũng gọi là Bì - Phu - Cốt; 4/ Có bốn chướng tức là xiển-đề bất tín chướng, ngoại đạo ngã chấp chướng, Thanh văn úy khổ chướng, Độc giác đại bi chướng; 5/ Có sáu tặc chướng tức là sáu Ba-la-mật biệt sở diệt chướng; 6/ Có tám vọng tưởng tức là niệm vọng tưởng, bất niệm

vọng tưởng, niệm bất niệm trái nhau vọng tưởng, ngã vọng tưởng, ngã sở vọng tưởng, tự tánh vọng tưởng, sai biệt vọng tưởng, nhiếp thọ tích tụ vọng tưởng. Ba thứ đầu là bì phiền não, hai thứ kế là nhục phiền não, ba thứ sau là tâm phiền não; 7/ Có chín phiền não, trích từ luận Phật tánh: Một là tùy miên tham dục, hai là tùy miên sân, ba là tùy miên si, bốn là tham sân si cực trọng thượng tâm hoặc, năm là vô minh trụ địa, sáu là kiến đế sở diệt, bảy là tu tập sở diệt, tám là bất tịnh địa hoặc, chín là tịnh địa hoặc. Bốn thứ đầu và cái thứ bảy là tu tập sở diệt, bì phiền não là thể, cái thứ sáu là kiến đế sở diệt, Nhục phiền não làm thể; 8/ Bất tịnh địa hoặc; 9/ Tịnh địa hoặc, dùng tâm phiền não làm thể. Tâm có năm trụ địa hoặc: Một là Kiến nhất thiết xứ trụ địa, hai là dục ái trụ địa, ba là sắc ái trụ địa, bốn là hữu ái trụ địa, năm là vô minh trụ địa. Các hoặc nương thì gọi là trụ địa. Kiến nhất thiết xứ là nhục phiền não, ba thứ dục ái v.v... là bì phiền não, vô minh trụ địa là tâm phiền não; 9/ Có mười ba phiền não tức là bảy kiến, sáu trước. Bảy kiến là: 1- Tà kiến, 2- Ngã kiến, 3- Thường kiến, 4- Đoạn kiến, 5- Giới đạo kiến, 6- Quả đạo kiến, 7- Nghi kiến. Thấy tất cả chỗ nên gọi là kiến. Sáu trước tâm là: 1/ Tham, 2/ Ái, 3/ Sân, 4/ Si, 5/ Dục, 6/ Mạn. Ở trong pháp giới bất cứ lúc nào cũng khởi tất cả phiền não. Lấy mười ba thứ này làm gốc, vô minh cùng mười ba làm gốc, ở trong pháp giới riêng làm báo ba cõi. Hỏi: Mười ba phiền não đã không có pháp chấp, vì sao chẳng chấp vào nghĩa và Tiểu thừa? Đáp: Ý kinh muốn nói mười ba hoặc từ vô minh sinh ra, hay sinh các nghiệp. Muốn định vô minh trụ địa là nghĩa nhân ấy nên chẳng xếp vào Tiểu thừa; 10/ Có tám đảo, tức là thường, lạc, ngã, tịnh, vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Bốn đảo thì chương Thanh văn, tám đảo thì chương Bồ-tát; 11/ Có bốn đế tức là Tăng Ích Đế, Tồn Giảm Đế, Tương Vi Đế và Hý Luận Đế; 12/ Có năm tán loạn: Một là tự tánh tán loạn tức là năm thức, hai là ngoại tán loạn tức là ý thức bay nhảy ở ngoại trần, ba là nội tán loạn, tức là tâm cao thấp và ham vị, bốn là thô trọng tán loạn, tức là chấp ngã và ngã sở, năm là tư duy tán loạn tức là bỏ Đại thừa nghĩ về Tiểu thừa. Hai cái đầu chưa được khiến chẳng được, thứ ba đã được thì khiến lui, cái thứ tư khiến chẳng được giải thoát, thứ năm khiến chẳng được vô thượng Bồ-đề; 13/ Có hai phiền não tức là tùy phiền não và thượng tâm phiền não; 14/ Lại có ba đảo là tướng đảo, kiến đảo và tâm đảo; 15/ Có mười hai vọng tưởng: Một là Ngôn thuyết vọng tưởng, hai là Sở thuyết sự vọng tưởng, ba là Tướng vọng tưởng, bốn là Lợi vọng tưởng, năm là Tự tánh vọng tưởng, sáu là Nhân vọng tưởng, bảy là Kiến vọng tưởng, tám là Thành



vọng tướng, chín là Sinh vọng tướng, mười là bất sinh vọng tướng, mười một là Tướng tục vọng tướng, mười hai là Phước bất phước vọng tướng, Vọng tướng này có ba phiền não là Bì, Nhục và Tâm, do đó mà biết cho nên kinh nói: Đó là tướng chung của vọng tướng tự tánh phân biệt nên biết được. Như kinh Lăng-già nói: Mười sáu hà có tám mươi bốn ngàn trần lao phiền não. Nghĩa mười sáu môn phiền não ở trên phải là thực giáo phần, cũng chung với trực tiến giáo trong sơ giáo mà nói. Nếu ở trực tiến giáo, thể nó tức không, gọi là phiền não. Nếu Nhất thừa giáo y cứ thì thuộc về Nhất thừa. Nếu nói theo Biệt giáo thì mỗi phiền não đều vô lượng. Thế nên sử v.v... phiền não là nghĩa trừ lâm. Vì sao? Vì trong văn Phổ Hiền nói một tâm sân làm chướng trăm ngàn pháp môn, v.v... Các nghĩa khác có nói rõ trong chương khác.

**Nghiệp trừ lâm:** Nghiệp trừ lâm có ba thứ là: 1/ Luật nghi nghiệp, là luật nghi Thiện; 2/ Bất luật nghi nghiệp, là luật nghi bất thiện; 3/ Nhân giả luật nghi phi bất luật nghi nghiệp, tức là làm thiện hai nghiệp ác. Chẳng phát luật nghi là đó. Lại phi luật nghi phi bất luật nghi tức là nghiệp vô ký. Luật nghi lại có ba thứ tức là giải thoát, tịnh lự, vô lậu đạo. Biệt giải thoát tức là luật nghi của bảy chúng y theo đó mà tu hành thì sẽ xa lìa ác hạnh và dục hạnh, năm chúng thọ suốt đời là xa lìa ác hạnh, chẳng lìa dục hạnh. Ổ-ba-sách-ca, Ổ-ba-tư-ca thọ suốt đời. Vì người chẳng thể xa lìa ác và chẳng xa lìa dục hạnh mà chế ngày đêm gần gũi giới, khiến dần dần tu học. Hỏi: Ổ-ba-sách-ca một phần học xứ là nói thành tựu hay chẳng thành tựu? Phải nói thành tựu mà gọi là phạm giới. Lại hỏi Phiến-đế-bán-trạch-ca, v.v... có được thành tựu Ổ-ba-sách-ca giới hay chẳng? Đáp: Chẳng cấm họ thọ, nhưng chẳng gọi là Ổ-ba-sách-ca, vì tánh họ chẳng có khả năng gần gũi, thờ kính năm chúng xuất gia như Tỳ-kheo, v.v.... Hai hình cũng thế. Lại Bán-trạch-ca có năm thứ là Sinh, đố, quyền, sái, trừ khử bán nguyệt (nửa tháng) đều đồng như trước chẳng được gần gũi năm chúng. Các nghiệp Tĩnh lự v. v... như chương riêng ở trước đã nói. Đạo nghiệp Vô lậu cũng như trước nói. Nay lược nêu nghiệp môn có ba mươi sáu thứ: Một là hai nghiệp cố bất cố, nói nghiệp cố và bất cố, biết trước mà làm thì gọi là cố nghiệp, không biết mà làm thì gọi là nghiệp bất cố. Lại âm thanh của thí giáo gọi là nghiệp cố, chẳng đến giáo thanh gọi là nghiệp bất cố; Hai là hai tội nghiệp, tức là nghiệp khinh tội và nghiệp trọng tội; Ba là hai lợi nghiệp, tức là đại lợi nghiệp và tiểu lợi nghiệp; Bốn là ba nghiệp, tức nhờ phước v.v... là nghiệp phước, nghiệp chẳng phải phước và nghiệp bất động; năm là ba nghiệp, tức là thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp; Sáu là ba

hạnh ác, cũng gọi là hạnh tà, tức là ác hạnh của thân, ác hạnh của miệng, ác hạnh của ý; Bảy là ba diệu hạnh, cũng gọi là chánh hạnh, tức là diệu hạnh thân, diệu hạnh của miệng, diệu hạnh của ý; Tám là ba bất xảo tiện hạnh, tức là thân bất xảo tiện, miệng bất xảo tiện, ý bất xảo tiện. Chỗ làm chẳng hợp pháp giới gọi là bất xảo tiện; Chín là ba hạnh xảo tiện, tức là hạnh xảo tiện của thân, hạnh xảo tiện của miệng, hạnh của xảo tiện; Mười là ba tà, tức là ngữ tà, nghiệp tà, mạng tà từ sân si sinh bốn lỗi của miệng gọi là tà ngữ, từ sân si sinh ba lỗi của thân gọi là tà nghiệp, từ phiền não tham sinh ác của thân khẩu gọi là tà mạng; Mười một là ba chánh, tức là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Từ vô sân, vô si sinh ra bốn điều thiện của miệng gọi là chánh ngữ. Từ vô sân, vô si sinh ra ba điều thiện thân gọi là chánh nghiệp. Từ vô tham sinh ra điều lành của thân miệng gọi là chánh mạng. Thuận lý nên gọi là chánh; Mười hai là nghiệp báo ba thời, tức là nghiệp hiện báo, nghiệp sinh báo, và nghiệp hậu báo. Y cứ vào thời mà được tên nghiệp báo ba thời; Mười ba là ba thọ báo nghiệp tức là nghiệp lạc báo, nghiệp khổ báo, báo nghiệp bất khổ bất lạc; Mười bốn là hệ nghiệp ba cõi, tức là hệ nghiệp cõi Dục, hệ nghiệp cõi Sắc, hệ nghiệp cõi Vô sắc; Mười lăm là ba nghiệp, tức là khúc nghiệp, uế nghiệp, trước nghiệp. Do Siểm khởi nghiệp nên gọi là khúc nghiệp, do sân khởi nghiệp nên gọi là uế nghiệp, và do tham khởi nghiệp nên gọi là trước nghiệp; mười sáu là ba tánh nghiệp, tức là nghiệp thiện, nghiệp bất thiện, và nghiệp vô ký; Mười bảy là ba mãn nghiệp, tức là thân mãn nghiệp, khẩu mãn nghiệp, và ý mãn nghiệp. Thân vô học hạnh tốt đầy đủ nên gọi là mãn. Miệng và ý cũng thế; Mười tám là ba học nghiệp, tức là nghiệp học, nghiệp vô học, nghiệp phi học nghiệp phi vô học. Người học vô lậu nên gọi là nghiệp học, người vô học vô lậu nên gọi là nghiệp vô học. Tất cả nghiệp hữu lậu thì gọi là nghiệp phi học phi vô học; Mười chín là ba đoạn nghiệp, tức là kiến đoạn nghiệp, tu đoạn nghiệp, và vô đoạn nghiệp; Hai mươi là ba thế nghiệp tức là nghiệp quá khứ, nghiệp vị lai, nghiệp hiện tại; Hai mươi một là ba chướng, tức là nghiệp chướng, chướng phiền não, và báo chướng; Hai mươi hai là bốn nghiệp tướng, tức là Hắc hắc báo nghiệp, Bạch bạch báo nghiệp, Hắc bạch báo nghiệp, Bất hắc bất bạch báo nghiệp; Hai mươi ba là bốn giới, tức là giới Biệt giải thoát, giới Định cộng, giới Đạo cộng, Đoạn giới; Hai mươi bốn là năm nghịch, tức là hại cha, hại mẹ, hại A-la-hán, phá Tăng, làm thân Phật ra máu. Hai thứ trước là trái ân nuôi dưỡng, hai thứ kế là phá ruộng phước nên gọi là Nghịch; Hai mươi lăm là năm giới

tức là chẳng giết, chẳng trộm cướp, chẳng tà dâm, chẳng nói dối, chẳng uống rượu. Ngăn ngừa thân miệng gọi là giới; Hai mươi sáu là năm tà mạng, tức: Một là vì lợi dưỡng mà dối hiện kỳ đặc, hai là vì lợi dưỡng mà tự nói mình có công đức, ba là vì lợi dưỡng mà bói toán tốt xấu, bốn là vì lợi dưỡng mà làm ra vẻ ta đây có oai khiến người kính sợ, năm là vì lợi dưỡng mà khen ngợi cúng dường để động tâm người. Tà nhân duyên nuôi mạng sống nên gọi là tà mạng; Hai mươi bảy là sáu nghiệp tức là báo nghiệp địa ngục, báo nghiệp súc sinh, báo nghiệp ngạ quỷ, báo nghiệp, người báo nghiệp trời, báo nghiệp bất định; Hai mươi tám là bảy luật nghi bất thiện, tức là sát, đạo, dâm, lường thiệt, ác khẩu, vọng ngôn, ý ngữ, ở tất cả chỗ khởi phát luật nghi bất thiện; Hai mươi chín là bảy luật nghi thiện, tức là bất sát, bất đạo, bất dâm, bất lường thiệt, bất ác khẩu, bất vọng ngôn, bất ý ngữ. Ở mọi lúc điều thiện luôn không dứt nên phát luật nghi thiện; Ba mươi là tám thứ lời nói là: 1/ Thấy nói không thấy, 2/ Không thấy nói thấy, 3/ Không thấy bảo thấy thì nói chẳng thấy; 4/ Thấy bảo chẳng thấy hỏi thì nói thấy, 5/ Nếu thấy nói thấy, 6/ Chẳng thấy nói chẳng thấy, 7/ Thấy bảo chẳng thấy hỏi thì nói chẳng thấy, 8/ chẳng thấy bảo thấy hỏi liền nói thấy. Bốn thứ trước gọi là bất tịnh ngữ, bốn thứ sau gọi là tịnh ngữ; Ba mươi một là tám giới, tức giới một ngày đêm: Một là chẳng giết hại, hai là chẳng trộm cướp, ba là chẳng dâm, bốn là chẳng nói dối, năm là chẳng uống rượu, sáu là chẳng ngồi giường cao rộng, bảy là chẳng đeo hoa xức hương thơm đeo chuỗi anh lạc, chẳng xông hương thơm vào áo quần, tám là chẳng xem và chẳng làm đờn ca múa hát và chẳng ăn quá ngọ. Bốn giới trước là phần giới cấm, một giới kế là phần chẳng phóng dật, ba giới sau là phần thuận tu oai nghi; Ba mươi hai là tám tà, tức là: 1/ Tà kiến, 2/ Tà giác, 3/ Tà phương tiện, 4/ Tà niệm, 5/ Tà định, 6/ Tà ngữ, 7/ Tà nghiệp, 8/ Tà mạng; Ba mươi ba là mười nghiệp đạo bất thiện, tức là giết hại, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói hung ác, nói thêu dệt, tham, giận, tà kiến. Trái lý làm tổn hại vật nên gọi là bất thiện; Ba mươi bốn là mười nghiệp đạo thiện tức là chẳng giết hại, chẳng trộm cướp, chẳng tà dâm, chẳng nói dối, chẳng nói lời hai lưỡi, chẳng nói lời hung ác, chẳng nói lời thêu dệt, không tham, không giận, chánh kiến. Thuận lý làm lợi ích chúng sinh nên gọi là thiện. Ý tư làm nghiệp, là suy nghĩ việc làm nên gọi là Đạo, cũng quả sở y hạnh nên gọi là Đạo; Ba mươi lăm là mười hai luật nghi ác tức là: 1/ Giết mổ dê, 2/ Nuôi gà, 3/ Nuôi heo, 4/ Bắt cá, 5/ Bắt chim, 6/ Săn bắn, 7/ Làm giặc, 8/ Hàng thịt, 9/ Giữ ngục, 10/ Đọc chú trừ rồng, 11/ Mổ giết chó, 12/ Nuôi mèo; Ba mươi sáu là

mười sáu luật nghi ác: 1/ Vì lợi dưỡng mà nuôi dê cho mập để bán, 2/ Vì lợi dưỡng mà mua về giết mổ, 3/ Vì lợi dưỡng mà nuôi heo cho mập để bán, 4/ Vì lợi dưỡng mà mua về giết mổ, 5/ Vì lợi dưỡng mà nuôi trâu cái cho mập để bán, 6/ Vì lợi dưỡng mà mua về giết mổ, 7/ Vì lợi dưỡng mà nuôi gà cho mập để bán, 8/ Vì lợi dưỡng mà mua về giết mổ, 9/ Câu cá, 10/ Săn bắn, 11/ Trộm cướp, 12/ Hàng thịt, 13/ Giăng lưới bắt chim, 14/ Nói hai lưỡi, 15/ Coi ngục, 16/ Đọc chú bắt rồng. Các nghiệp môn này chung cho ba thừa, Tiểu thừa, trời người, hoặc trời, người là người tạo nghiệp. Nếu Tiểu thừa thì chỉ có nghiệp mà không có người. Nếu sợ giáo các nghiệp tức không, chẳng thể phân biệt. Như Luận nghiệp Thành Tựu chép. Nếu chung giáo tức như, tất cả pháp cũng như. Nếu là Nhất thừa y cứ thì thuộc về Nhất thừa. Nếu y cứ theo Nhất thừa Biệt giáo, thì có tám mươi bốn ngàn vô tận nghiệp v.v... Các nghĩa khác có nói rõ trong chương khác.

***Căn hành trừ lâm:***

Căn hành trừ lâm lược có hai mươi hai thứ là: 1/ Nhãn căn, 2/ Nhĩ căn, 3/ Tỷ căn, 4/ Thiệt căn, 5/ Thân căn, 6/ Ý căn, 7/ Nam căn, 8/ Nữ căn, 9/ Mạng căn, 10/ Khổ căn, 11/ Lạc căn, 12/ Ưu căn, 13/ Hỷ căn, 14/ Xả căn, 15/ Tín căn, 16/ Tinh tấn căn, 17/ Niệm căn, 18/ Định căn, 19/ Tuệ căn, 20/ Vị tri dục tri căn, 21/ Tri căn, 22/ Tri dĩ căn. Nghĩa tăng thượng mạn sinh là nghĩa căn. Cho đến thượng trung hạ. Rộng tức tám mươi bốn ngàn tánh v.v... cũng được. Nếu Tiểu thừa là thật, nếu Sơ giáo thì không, nếu Chung giáo tức như. Nếu Nhất thừa y cứ tức là Nhất thừa. Nếu Biệt giáo tức vô lượng các, nghĩa khác có nói rộng trong chương khác.

***Sinh trừ lâm:***

Sinh, có hai: Một là Phần đoạn sinh, hai là Biến dịch sinh. Phân biệt ra có hai mươi tám môn: Một là ba cõi tức cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc; Hai là bốn thức trụ, tức là Sắc thức trụ, Thọ thức trụ, Tưởng thức trụ, Hành thức trụ, là chỗ thức trụ nên gọi là thức trụ (trích từ A-tỳ-đàm); Ba là bốn sinh tức là Noãn sinh, Thai sinh, Thấp sinh, Hóa sinh. Chỗ nương cho báo khởi nên gọi là Sinh; Bốn là bốn thực, tức là Đoàn thực, Xúc thực, Tư thực, Thức thực; Năm là hai thọ, tức là Thân thọ, Tâm thọ, năm thức tương ứng gọi là Thân thọ, ý thứ tương ứng gọi là Tâm thọ; Sáu là ba thọ, tức là thọ Khổ, thọ vui chẳng khổ chẳng vui; Bảy là năm thọ, tức là khổ, lạc, ưu, hỷ, xả; Tám là sáu thọ, tức Nhãn xúc mà sinh thọ, cho đến Ý xúc mà sinh thọ; Chín là một trăm lẻ tám thọ tức như Đại Luận chép: Mắt thấy sắc tư duy phân biệt thì tâm sinh

hỷ, sinh ưu, sinh xả, cho đến ý thức cũng thế. Trong mười tám thọ ấy có tịnh, có cấu, là ba mươi sáu, ba đời đều có ba mươi sáu là một trăm lẻ tám thọ. Cũng có thể chia hỷ ra làm ba: thượng trung hạ: Ưu, xả đều có ba, một căn có chín, sáu căn có năm mươi bốn thọ. Hiện trí, tỷ trí đã duyên tới lui các thọ. Có năm mươi bốn thọ với cảnh hiện - tỷ nên thọ có một trăm lẻ tám; Mười là năm quả: Một là quả Tăng thượng, hai là Y quả, ba là Báo quả, bốn là quả Dụng công, năm là quả Giải thoát. Đáp lại nhân mà có quả; Mười một là sáu đường, tức là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, người, trời, A-tu-la; Mười hai là sáu giới tức là đất, nước, lửa, gió, không, thức; Mười ba là bảy thức trụ, tức là cõi Dục trời, người là một, Sắc giới hạ tam thiên là hai, Vô sắc hạ tam thiên là ba, là chỗ thức ưa trụ nên gọi là Thức trụ; Mười bốn là tám chỗ phước sinh, tức trong loài người sinh giàu sang là một, trong sáu trời Dục giàu sang là sáu, Sơ thiên Phạm thiên là một. Trong đó tám phước báo này là hơn hết, nên nói tám thứ này; Mười lăm là tám pháp thế gian, tức là lợi, suy, hủy, dự, xưng, cơ, khổ lạc; Mười sáu là Duy thức; Mười bảy là chỗ ở của chín chúng sinh, tức là trên bảy chỗ thức trụ thì thêm trời Vô tướng và trời Phi tướng là chín; Mười tám là hai mươi lăm hữu, tức bốn hữu, bốn đường ác, Phạm Vương sáu trời Dục, Vô tướng và Tịnh cư, bốn không và bốn thiên; Mười chín là mười hai nhân duyên tức là ba duyên sinh, nghĩa là tự tánh thọ dụng ái phi ái thủ biệt thời. Có nghĩa tăng thượng sinh nên thuộc về sinh phần; Hai mươi là năm ấm, tức sắc, thọ, tưởng, hành, thức; Hai mươi một là mười hai nhập, tức là sáu căn và sáu trần; Hai mươi hai là mười tám giới tức là sáu căn, sáu trần, sáu thức; Hai mươi ba là ba mươi sáu vật, đó là: 1/ Tóc, 2/ Lông, 3/ Móng, 4/ Răng, 5/ Da, 6/ Thịt, 7/ Xương, 8/ Tủy, 9/ Gân, 10/ Mạch, 11/ Tỳ, 12/ Thận, 13/ Tim, 14/ Gan, 15/ Phổi, 16/ Ruột già, 17/ Ruột non, 18/ Dạ dày, 19/ Bào thai, 20/ Phân, 21/ Nước tiểu, 22/ Hờm, 23/ Mồ hôi, 24/ Mật, 25/ Kết tinh, 26/ Nước mũi, 27/ Đờm, 28/ Mủ, 29/ Máu, 30/ Hoàng ấm, 31/ Bạch âm, 32/ Mỡ, 33/ Sách, 34/ Não, 35/ Não mạc, 36/ Tinh; Hai mươi bốn là bốn thứ sinh tử, là: 1/ Phương tiện sinh tử, 2/ Nhân duyên sinh tử, 3/ Hữu hữu sinh tử, 4/ Vô hữu sinh tử. Lại có ba thứ sinh tử, là: 1/ Tam-muội lạc chánh thọ ý sinh thân, 2/ Giác pháp tự tánh tánh ý sinh thân, 3/ Chứng loại câu sinh vô hạnh tác ý sinh thân. Tam-muội lạc, là vị ở Mười địa. Thế gian thượng phần địa định vị thứ ba là Tam-muội, được bốn địa, năm địa trí vô lậu, lý sẽ thành Học, Vô học. Thuận lý ý vui gọi là lạc, nương định thế lực mặc tình nên gọi là Ý sinh thân. Giác pháp tự tánh tánh là vô tướng chánh trí được lý không phân biệt, là tất cả pháp

tánh nên gọi là pháp tự tánh tánh. Các pháp tánh tánh là trụ ở thể tánh. Ý sinh là tùy ý tự tại như ý, vì hiện sinh nên gọi là Ý sinh. Chủng loại câu sinh là chủng loại tùy sự chủng loại. Câu sinh tức là sự ứng khắp, không hai không riêng, gọi là câu sinh ứng, mà không cần đánh cũng như trống trời. Tâm Vô tác nghiệp nên gọi là vô hạnh tác, tức sự vô tướng, tùy cơ mà khởi ý tự tại nên gọi là ý sinh thân. Nhìn sau Phật là sinh tử, nhìn trước thì chẳng đủ nên gọi là Ý sinh thân. Hỏi: Vì sao phiền não trừ lâm tức chia ra hai giáo Thủ chung, hai thứ khác nhau. Nghiệp và sinh trừ lâm thì không có phân tướng? Đáp: Phiền não là gốc sinh tử thì phải phân ra nghiệp sinh, hai thứ ấy là tướng cuối. Y theo nghĩa phiền não trước thì sẽ hiểu. Hỏi: sinh tử Biến dịch là vô lưu vì sao thuộc về trừ lâm? Đáp: sinh tử Biến dịch Bốn giáo hưng ý vì hiển bày Phật pháp dần dần sâu xa, để Biến dịch ở sau Phần đoạn, hiển Chung giáo dần dần càng sâu. Y cứ theo lý mà nói thì sinh tử Biến dịch chỉ là tế tướng của Phần đoạn. Sở dĩ biết trung ấm vốn là thân phần đoạn câu sinh phương tiện nên lập ra trung ấm. Như kinh Thập Trụ chép: Thân trung ấm cho đến Niết-bàn Bồ-đề cũng có Trung ấm, chỉ vì tế dần sâu chỉ có cảnh giới Phật. Y cứ văn này làm chứng, phải biết sinh tử Biến dịch chỉ là tướng tế của Phần đoạn để làm Biến dịch; Hai mươi lăm là thân Trung ấm là báo phần, ấm phần lớn lấy trải bảy ngày làm một kỳ hạn, ở trong đó bất định hoặc một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày cho đến cả kiếp. Phật cũng ở trong đó mà ra đời giáo hóa, nhập Niết-bàn, như kinh Thập Trụ chép: Lại như Nhiếp Luận dịch vào đời Lương chép: Phật trong hai mươi năm ở trong thân Trung ấm. Lại như Địa Luận nói: Trong thân trung ấm cũng có tạo nghiệp và có huân tập; Hai mươi sáu là ba tướng tức người thân, kẻ thù và người không thân không thù; Hai mươi bảy là bốn tướng tức là vô thường, tướng thường cho đến bất tịnh tướng, tịnh ở trong đó bỏ tánh chấp; Hai mươi tám là tám thức tướng, tức là tám thức tướng do đồng sinh diệt. Trước nay nói nghĩa sinh trừ lâm thì chung với Tiểu thừa và trời, người, nếu người phàm phu sinh tướng hoặc ở Nhị thừa không có người khác, chỉ có thật sinh chủng loại chúng đồng phần. Nếu y sơ giáo thì sinh tướng là không. Nếu theo Chung giáo thì sinh tướng là như, Nhất thừa y cứ thì thuộc Nhất thừa. Nếu y cứ Biệt giáo thì tức tám mươi bốn ngàn trần lao, tức ứng nghĩa Nhân-đà-la và vi tế. Các thứ khác có nói rõ trong chương khác.

***Tập khí trừ lâm:***

Tập khí có ba thứ: Một là Danh ngôn huân tập thức huân tập, hai là sắc thức huân tập thức huân tập kiến thức huân tập, ba là phiền

não huân tập nghiệp huân tập quả báo huân tập. Các huân tập này đều chung cho nhiễm tịnh và vô ký. Chia ra có hai: Một là hạt giống huân tập, hai là thượng tâm huân tập, cũng chung cho trung ấm và sinh ấm. Tùy thượng trung hạ cho đến tám mươi bốn ngàn, v.v... Nếu y theo Tiểu thừa thì nghĩa tức thật, sơ giáo thì tức không, Chung giáo thì tức như. Nhất thừa y cứ thì là Nhất thừa. Nếu y cứ Biệt giáo thì là vô lượng. Các thứ khác có nói rõ trong chương khác.

**Ba nghiệp hạnh trừ lâm:**

Trừ lâm có năm nghĩa: Một là có pháp Niết-bàn thì gọi là chủng tánh trở lên, không có pháp Niết-bàn là trong vị xiển-đê; hai là hạnh thiện hạnh ác; ba là ác đạo thiện; bốn là ngoại đạo Thanh văn; năm là Bồ-tát sai biệt, tức là Bồ-tát giả danh. Trong văn nói tám tà, tức là tà kiến, tà giác, tà phương tiện, tà niệm, tà định, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng. Khởi bất đắc phương gọi là Tà. Tám chánh trái ngược với tám tà, tức là các pháp như tám chánh ba nhóm v.v... Nếu Tiểu thừa giáo thì nghĩa tức thật, Sơ giáo thì tức không, Chung giáo thì tức như, nếu Nhất thừa y cứ thì tức nhập vào Nhất thừa. Các nghĩa khác có nói rõ trong chương khác.

Thành tựu, Thành tựu cũng gọi là đắc tức là đối với pháp thiện, bất thiện, vô ký, là chỗ hiển y hoặc thêm hoặc bớt hiển nghĩa tự thể. Vì sao? Là do có tăng cho nên nói thành tựu thượng phẩm tín, v.v... do có bớt nên nói thành tựu hạ phẩm tín, v.v... giả lập mà được thành tựu, là hiển nghĩa giả lập. Đắc nghĩa đủ ba môn này nên nói là đắc. Như thế các thứ khác tùy chỗ kiến lập phải biết đắc và thành tựu khác nhau có ba, tức là hạt giống thành tựu, tự tại thành tựu, và hiện hành thành tựu. Hạt giống thành tựu tức là: Nếu sinh cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc hệ phiền não, tùy phiền não, do hạt giống thành tựu nên thành tựu và sinh đắc thiện. Nếu sinh cõi Dục giới mà ba cõi phiền não tùy phiền não thành tựu là y cứ vị sinh dục dị sinh mà nói, nếu nói đã ly dục, hoặc sinh vào địa trên thì tùy địa lìa dục, tức địa này phiền não, tùy phiền não vừa thành tựu vừa chẳng thành tựu, vì chưa lìa hẳn hại tùy miên nên đối trị đạo giảm tổn như thứ lớp. Và sinh đắc thiện, tùy địa được sinh, tức địa này thành tựu. Nếu sinh cõi Sắc, Dục sắc hệ phiền não, Tùy phiền não, do hạt giống thành tựu nên thành tựu cũng gọi là chẳng thành tựu. Sắc, Vô sắc giới hệ phiền não Tùy phiền não do hạt giống thành tựu nên thành tựu và sinh đắc thiện. Nếu đã được đạo ba cõi đối trị, tùy phẩm loại như thế, như thế đối trị, đã sinh phẩm loại như đây như đây, hạt giống thành tựu được chẳng thành tựu, tùy phẩm loại như thế như

thế đối trị chưa sinh như đây như đây. Phẩm loại do hạt giống thành tựu nên thành tựu. Đã được đạo ba cõi đối trị, nghĩa là đã được Thánh đạo xuất thế tùy phẩm loại như thế như thế đối trị đã sinh, nghĩa là tu đạo sở đoạn thượng phẩm các phiền não đối trị đã sinh như đây như đây. Phẩm loại hạt giống thành tựu được chẳng thành tựu, nghĩa là đã lìa hẳn hại tùy miên. Tự tại thành tựu tức là các phương tiện pháp lành, hoặc thế hoặc xuất thế, Tịnh lự giải thoát Tam-ma-địa, Tam-ma-bát-đế, v.v... các công đức và pháp một phần vô ký, do tự tại thành tựu nên thành tựu phương tiện pháp lành, nghĩa là nghe mà sinh tuệ, v.v... tuy trước có hạt giống, nếu lìa đời này số tập khí tăng trưởng chẳng bao giờ khởi hiện tiền pháp một phần vô ký, nghĩa là chỗ tâm khéo léo biến hóa hiện hành thành tựu, nghĩa là các uẩn, giới, xứ pháp tùy chỗ hiện tiền, hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Nó do hiện hành thành tựu nên thành tựu. Nếu đã đoạn gốc lành, tất cả pháp lành đều do hạt giống thành tựu nên thành tựu cũng gọi là chẳng thành tựu. Nếu chẳng phải pháp Niết-bàn Nhất-xiển-đế-ca rốt ráo thành tựu các pháp tạp nhiễm, do thiếu nhân giải thoát, cũng gọi là A-diên-đế-ca, vì giải thoát đó được nhân rốt ráo chẳng thành tựu. Hỏi: Những gì gọi là giải thoát được nhân? Đáp: Nếu ở chân như trước vì tập khởi thô trọng phiền não, nếu gặp thuận theo được duyên đối trị thì sẽ hại mãi, tánh kham nhận này gọi là giải thoát được nhân. Nếu trái với tướng này thì gọi là không giải thoát nhân (nhân không giải thoát). Hỏi: Nếu thành tựu thì khéo được thắng lợi gì? Đáp: Hay biết rõ các pháp thêm bớt, biết thêm bớt nên hưng suy ở đời lìa tướng quyết định, cho đến dứt được hoặc ái hoặc nhuế. Đây thành tựu ở ngu pháp Thanh văn, việc ấy chẳng tương ứng. Nếu ở Sơ giáo, thì lý ấy chẳng tương ứng. Nếu ở Chung giáo do đồng như cũ tức chẳng thể nói. Vì sao? Vì nói thì thêm phân biệt. Nếu y theo Biệt giáo thì đủ nói chẳng nói trước. Các nghĩa khác có nói rõ trong chương khác.

**Hai mươi loại Pháp sư:**

Việc hay làm của pháp sư là gì? Đó là: 1/ Thời, 2/ Chánh ý, 3/ Nhanh (đốn), 4/ Tiếp nối, 5/ Tiệm, 6/ Thứ, 7/ Cú nghĩa tiệm thứ, 8/ Chỉ bày, 9/ Mừng, 10/ Khuyên, 11/ Đầy đủ, 12/ Chẳng chê bai, 13/ Bất loạn, 14/ Đúng pháp, 15/ Theo chúng, 16/ Từ tâm, 17/ Tâm an ổn, 18/ Tâm thương xót, 19/ Chẳng ham lợi dưỡng danh vọng, 20/ Chẳng tự khen chê người khác. Thời là lìa nạn tám thời. Địa Luận có bài kệ rằng:

*Như vua có nỗi lo*

*Bệnh sân mê các dục*

*Chỗ hiểm không người hầu*



*Dua nịnh không trung thân. Như thế trong  
tám thời, Quan Trí chẳng nên nói.  
Tâm vua cũng như thế Phi thời chẳng  
nên nói.*

Khẩu nghiệp của Pháp sư có hai thứ nên chia hai đoạn: Đoạn kinh trước Pháp sư nói pháp là nói nghĩa Pháp sư sâu thâm, đoạn kinh sau Pháp sư nói pháp phải giải thích tướng. Nghĩa này thuận theo ba thừa Nhất thừa mới rõ ráo. Các nghĩa khác có nói rõ trong chương khác.

*Bốn mươi biện tài vô ngại:*

Biện tài Vô ngại, tức là bốn mươi vô ngại biện y theo mười pháp, mười pháp có bốn nên thành bốn mươi. Sở dĩ nói mười là muốn hiển bày vô lượng, như kinh đã nói rộng.

### **ĐỊA THỨ MƯỜI - THỌ CHỨC:**

Nghĩa thọ chức nói lược có ba: Một là sự thọ chức như vua Chuyển luân có đủ pháp thọ chức; hai là lý thọ chức, như người Ba thừa khế hợp được lý báu gọi là thọ chức; ba là lý sự thọ chức, như được vị Bồ-tát ngồi trên Đại bảo Liên Hoa Vương, chư Phật mười phương phát ra ánh sáng quán đảnh, trong ứng pháp giới gọi là thọ chức, rộng như hỏi đáp và văn kinh. Các nghĩa khác có nói rõ trong chương khác.

- Ao A-nậu-đạt: Kinh nói ao A-nậu-đạt chảy ra bốn sông đến biển lớn. Kinh Niết-bàn lại chép: Có tám sông. A-hàm Bà-sa nói: Có hai mươi sông. Ao A-nậu-đạt có bốn thứ khẩu, Đông có cửa kim tương chảy ra sông Hằng, Tây có cửa Ngân Ngư chảy ra sông Tân Đầu, Nam có cửa Lưu Ly Mã chảy ra sông Tất-đà, Bắc có cửa Pha-Lê-Sư-tử chảy ra sông Bác-xoa. Bốn cửa đều chảy ra ngoài bốn mươi dặm mà chia làm năm sông cho nên thành hai mươi. Phật ở phía Đông, phần nhiều nghe tên nên nói mặt Đông có năm sông, cùng ba mặt kia đều có sông lớn nên có tám sông. Kinh Thập Trụ nói: Ao A-nậu-đạt chảy ra bốn sông lớn, từ bốn cửa chảy quanh ao bảy vòng, sau mới theo phương mà ra biển, nó bao quanh sông đều cách một dặm. Ở trong có các hoa màu sắc lạ rất đẹp. Đều là cảnh giới của Long vương A-nậu-đạt-đa. Nay Phật dẫn để dụ cho địa, vì dụ thẳng nên hiển bày pháp cũng thẳng. Các nghĩa khác có thể biết.